

HOA VÀ XUÂN

Thơ : Phan Khâm

Nhạc : Vinh Điện

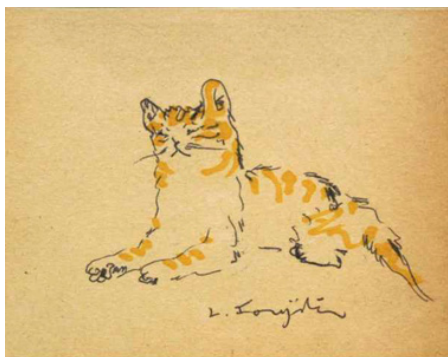
Nhịp vừa (nhiệt tình, thấm thiết)

Đón xuân mai hẹn cùng đào, em hoa biết
nói ngọt ngào ý xuân. Em hoa tươi thắm hương trời giai
nhân, tôi đang mê đắm dạt dào băng khuâng. Em tha thướt tuyết
vời, tôi cô lữ bên trời. Xuân theo con tạo vùn
xoay, nghìn con bướm trắng ngát ngậy về trần. Tôi xin ngọn sóng hồng ân dâng
trần, tôi nghe hơi ấm mây ngàn dang trời. Tôi nghe em gọi mời tình lên
ngôi. Bao nhiêu xuân cũng qua một đời, bao nhiêu hoa chỉ có một thời. Còn
gi đọng lại trong tôi, chút tình xuân tôi ghé mỗi cùng hoa. Còn
gi ở lại quanh ta, hương lòng hoa đó mạn mà tình xuân...

MÈO TRONG TRANH FOUJITA

ĐÌNH CƯỜNG

Mỗi họa sĩ hình như có duyên với một loài vật mình yêu thích, và cứ thỉnh thoảng lại thấy xuất hiện trên tranh đến một lúc thành như dấu ấn. Những bộ cục người và ngựa của Delacroix, cùng rất nhiều họa sĩ Đông-Tây vẽ, nhưng sao ta cứ nhớ đến nét vẽ thần tình một con ngựa hoang cột nơi trụ cây của Hàn Cán, hay nét bút lông vung mạnh của Hokusai. Vẽ tôm, cua thì nhớ đến Tề Bạch Thạch. Ở Picasso là chim câu hòa bình và những biểu tượng của con tô-rô hung hãn. Mèo của Picasso ngoạm chim với móng vuốt dữ tợn, trái với tượng đồng mèo dài ngoằn thơ mộng của Giacometti... Chagall với dê và hoa. Matisse với những con cá đỏ trong rất nhiều tĩnh vật. Những con bò cái dưới nét vẽ nguệch ngoạc của Dubuffet, cũng như với Henri Rousseau là con sư tử trong "*Người Du Mục Ngủ*" man dại, đầy mộng mị...



Mèo của Foujita

Và khi nhắc đến mèo lại khiến ta nghĩ ngay đến Foujita, một họa sĩ Nhật nổi tiếng trong hội họa hiện đại (sinh năm 1886 tại Tokyo, mất năm 1968 tại Zurich). Lúc còn là một cậu học trò 14 tuổi, những bức vẽ đầu tay của Foujita đã được chọn gửi sang dự cuộc đấu xảo ở Paris.



Mèo của Matisse



Mèo của Picasso

Lên trung học, Foujita ôm mộng sang Paris cho bằng được, tìm tòi học tiếng Pháp, trong khi chờ đợi, ông vào học ở Viện Mỹ Thuật Hoàng Gia Tokyo, Foujita sớm có những thành công : được Nhật Hoàng mua một bức tranh và được tuyển chọn vẽ chân dung cho Quốc Vương Triều Tiên. Năm 27 tuổi, theo tiếng gọi phương Tây, ông đến Paris và "ngã" ngay vào giữa khu Montparnasse, phố Odessa. Thời điểm của các họa sĩ "tứ chiếng" kéo về làm sống dậy xóm Montmartre : những Van Dongen, Picasso, Derain, Kisling, Zadkine, Soutine, Utrillo, Modigliani, Terlikowski... Cả những nhà thơ như Max Jacob, Apollinaire... cùng những người mẫu xinh đẹp ở quán La Rotonde, mà ông cù

Libian chủ quán đã cho các chàng trai nghệ sĩ ăn và uống chịu bằng cách vẽ tranh lên các khung cửa, lên các vách tường.



Fougjita đang vẽ mèo

Chân ướt chân ráo đến đây, Fougjita chỉ làm việc kẻ vẽ nhà hoặc ngồi làm mẫu cho người ta vẽ mình. "Tôi đã làm mẫu cho họa sĩ Terlikowski người Nga. Lão này gần như điên cuồng, đêm nào cũng ngủ trong một chiếc quan tài. Terlikowski cuồng vẽ những sự vĩ đại, và bao giờ cũng biên tập bằng bút chì than ở phía trái bức tranh những giá tiền khổng lồ : 20.000 hay 50.000 quan. Khi một nhà chơi tranh mặc cả giá tranh thì lão lấy tay áo quệt một cái, xóa dần con số 0 này đến con số 0 khác. Thành ra bức tranh hạ giá từ 50.000 xuống 5.000, rồi 500, và xuống tới 50 quan là giá chót. Lão truyền thần tôi rồi bán cho nhà chocolat Menier, vì chủ hiệu ấy chơi tranh. Lão bán tới giá 2.500 quan, giá ấy đắt lắm thời bấy giờ. Nhưng tôi, tôi chỉ được lĩnh 5 quan mỗi buổi ngồi làm mẫu, và khi tranh bán đi, được thưởng thêm một cốc sâm banh" (Fougjita, bút ký về Montparnasse).

Người bạn đầu tiên Fougjita làm quen được ở đó là Van Dogen sau buổi khai mạc "Phòng Triển Lãm Mùa Thu", và sau đó, một họa sĩ Tây Ban Nha Ortiz de Zorate đưa Fougjita đến gặp Picasso tại một xưởng vẽ tối tân, lớn và đẹp, cạnh nghĩa trang Montparnasse. Sau khi ở xưởng

họa Picasso về, Fougjita đã đắm bẹp nát hộp màu nước cũ của mình và nhất định từ bỏ cái nghề nghiêm trang và tỉ mỉ. Năm 1917, Fougjita triển lãm họa phẩm lần đầu tiên trước công chúng Pháp tại nhà Chéron. Picasso rất chịu, các nhà phê bình thì viết : "Chẳng bao lâu các tranh của Fougjita sẽ được treo bên cạnh tranh của Matisse tại các nhà chơi tranh". Từ đó trở đi, Fougjita đã trở thành một khuôn mặt hoang đường của xóm Montmartre và là một nhân vật "quốc tế". Ông đã qua Anh, Bỉ, Hòa Lan, Thụy Sĩ, Ý, Đức, và Phi Châu. Ông đã ở lại Phi Châu vẽ một thời gian trước Đệ Nhị Thế Chiến.

Năm 1939 trở lại Nhật, và năm 1941, Hội Giao lưu Văn hóa Quốc tế (*Kokusai Bunka Shinkokai*, *L'association des Échanges Culturels Internationales du Japon*) và Viện Mỹ Thuật Hoàng Gia Nhật Bản (*L'Académie Impériale des Beaux-arts*) tổ chức hai cuộc triển lãm tiếp nối nhau tại Hà Nội¹, Fougjita đã có trách nhiệm sang Việt Nam cùng một nhóm họa sĩ cách tân của Nhật (trong số đó có họa sĩ Sekiguchi²). Tại Hà Nội, ông đã gặp lại người bạn xưa đã từng quen biết ở Paris vào năm 1925, họa sĩ Nam Sơn (Nguyễn văn Thọ, 1890-1973), một trong những họa sĩ đầu tiên của Việt Nam ở trường Mỹ Thuật Quốc Gia Pháp, và là đồng sáng lập trường Mỹ Thuật Đông Dương với Victor Tardieu, (thành lập năm 1925 tại Hà Nội)³. Tại cuộc triển lãm này, Fougjita đã chứng

¹ Lần đầu triển lãm tranh lụa và tranh khắc gỗ thuyên thống Nhật Bản, lần hai là triển lãm các tác phẩm hiện đại bằng chất liệu sơn dầu.

² Là họa sĩ sau này có minh họa truyện Kiều, NXB Văn Học 1951, có 6 phụ bản của Phạm Thúc Chương, Vũ Cao Đàm, Lê Thị Lựu, Lê Phổ, Sekiguchi, Mai Trung Thứ.

³ Nam Sơn được gửi sang học tại Trường Mỹ Thuật Quốc Gia Paris năm 1925. Tại đây, ông đã kết bạn với hai họa sĩ Á-châu sau này tên tuổi lẫy lừng, là Fougjita (nổi tiếng về tranh

tỏ là một họa sĩ bậc thầy, lấy được lòng tin của giới mỹ thuật Việt Nam lúc bấy giờ. Không còn gì thú vị và chính xác hơn là nhìn tận mắt tác phẩm, họa sĩ Tô Ngọc Vân trong bài "*Phê Bình Nghệ Thuật Vẽ Sơn Của Họa Sĩ Nhật*" đăng trong báo Trung Bắc Chủ Nhật số 90 ra ngày 7.12.1941 đã viết : "*Cách đây một tháng, trên tờ báo này, chúng tôi tỏ ý ao ước được xem tranh dầu của hội họa Nhật và được nhìn gần tác phẩm sơn dầu của Foujita. Sự mơ ước hôm nay đã thành sự thật, không làm thất vọng như nhiều sự thật khác chỉ tốt đẹp trong óc tưởng tượng của người ta... Nói cho gọn, chúng ta thấy toàn bộ tác phẩm phân hai phái sơn dầu cũ và mới. Ngoài hai phái, Foujita biệt lập. Họa phẩm "ba con mèo" của Foujita không còn trộn lẫn vào đâu được. Người ta thoáng nhìn đã thấy Foujita rồi, với vẻ phân tách cao quý và đơn giản mà người ta thấy tương đương ở tất cả các tác phẩm khác. Foujita trên nền vải trắng toát, Foujita trong nét sơn dầu đưa bằng bút Nhật, Foujita ở màu đều đều như tranh một màu, Foujita ở chỗ dùng sơn dầu vẽ lên nền vải như dùng mực tàu vẽ vào giấy hay lụa theo lối Nhật, nhưng có những tính cách đáng yêu, những sự nhu cầu của một óc sáng tạo tiên tiến..."*

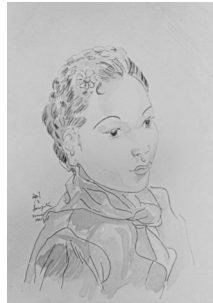


Catalogue Triễn Lãm Hà-Nội, 1941

mèo), và Từ Bi Hồng (Xu Bei-Hong, 1895-1956, nổi tiếng về tranh ngựa).

Những ngày tháng ở Hà Nội, Foujita (và Sekiguchi) mỗi buổi chiều đều đến xưởng họa của Nam Sơn ở 68 Nguyễn Du để vẽ, và nhờ Nam Sơn tìm dùm người mẫu. Tại đây, Foujita đã thực hiện các bức *Thiếu nữ Hà Nội, Vườn hoa văn phòng quân đội Nhật tại Indochine, Con đê Hà Nội, Ngói nhà cũ ở Hannam...*

Năm 1943, hội *Kokusai Bunka Shinkokai* đã mời họa sĩ Việt Nam sang Nhật triển lãm, Nam Sơn đại diện, cùng đi có hai họa sĩ Lương Xuân Nhị và Nguyễn Văn Ty, phái đoàn họa sĩ Việt Nam đã được Foujita và Sekiguchi đón tiếp và giới thiệu với nhiều họa sĩ Nhật.



**Thiếu nữ Hà Nội
1941**



**Chân dung
Nam Sơn, 1941**



N.V.Ty - L.X.Nhị - Nam Sơn - Foujita
Mèo là một đề tài đặc biệt của Foujita, cũng như những khuôn mặt em bé, những thiếu nữ khoẻ thân. Ngoài sử dụng cây cọ vũng vàng và khéo léo, ta luôn bắt gặp sự tinh tế ở nét (*trait*)



Ký họa của Nam Sơn tại Nhật Bản, 1943

bởi trước đó, phải nói ông là một nhà đồ họa xuất sắc. Dù có đi gần với trường phái hội họa Paris, ông vẫn giữ được một bản ngã rõ rệt, rất tinh vi, rất Nhật của ông. Họa sĩ Lê Phổ đã triển lãm chung với Foujita nhiều lần tại Lyon, Avignon, Nice và Bordeaux những năm 1957, 1958.

"*Tay ấy phi thường (c'est un tipe formidable). Đó là một họa sĩ Nhật Bản duy nhất mà tôi gặp và thích. Foujita có những nét kỳ diệu để vẽ dessin và portrait. Từ lúc tôi đến Âu Châu, chưa thấy người nào vẽ hay hơn Foujita...*"

(Thụy Khuê - *Nói chuyện với họa sĩ Lê Phổ* - Hợp Lưu số 10, tháng 4 và 5.1993)

Trong "*Chân dung tự họa*" (1928, Viện Bảo Tàng Mỹ Thuật Hiện Đại, trung tâm Georges Pompidou, Paris), Foujita ôm con mèo cưng, là một bức tranh đầy thi vị, đầy tinh thương yêu trìu mến giữa người và vật. Ông đã sử dụng một bút pháp thật siêu thoát của một nhà hiện thực hóm hình tỉ mỉ (*un réalisme spirituellement minutieux*). Trong "*Khỏa thân nằm với con mèo*" (sơn dầu trên bố, 1923, Viện bảo tàng Mỹ Thuật Hiroshima) là một bố cục đường chéo rất thông minh, bút pháp độc đáo, kết hợp đồ họa Nhật Bản cổ truyền với trường



Chân dung tự họa - Portrait de l'artiste, 1928, Paris, Centre Pompidou



Chân dung tự họa, 1926

phái hội họa hiện thực châu Âu. Ta vẫn bắt gặp ở đó sự chính xác và tinh tế của nét và mảng, cũng như sự tỉ mỉ ở những nếp nhăn, và nhất là đốm mèo đen gây được sự chú ý đặc biệt - một điểm son (*point riche*) của tranh. Con mèo kéo màu fond xuống thật duyên dáng và chắc, làm giàu thêm cho tranh, bớt lạnh cho người ngắm... Nhiều bản vẽ khác về mèo bằng bút mực nho, phốt màu nhẹ của Foujita đều rất tinh anh, lột tả được nhiều vẻ đẹp, thông minh của mèo.



Chân dung tự họa, 1927



Khỏa thân và mèo - 1937

Vẽ một con vật trong tranh, một họa sĩ xoàng dù vẽ con hổ, con beo tí mĩ, soi mói từng cái lông, từng vết vằn nhỏ trên mình con thú, trông dữ thì có dữ thật nhưng không làm ai sợ... vì con vật hình như chết rồi. Trái lại, chỉ vẽ mèo, Fougère đã làm cho ta phải kính nể, ở sự biểu lộ bằng nghệ thuật rất đạt mới nuôi được những con mèo vốn rất gần gũi triu mến bên chúng ta, sống trong tác phẩm. Fougère người họa sĩ tài danh nổi tiếng vẽ mèo, một con vật thật đáng yêu như trong bài thơ của Apollinaire - thi sĩ thơ mộng vốn rất gần bó với các họa sĩ cùng thời với Fougère ở xóm Montmartre :

Le chat

Je souhaite dans ma maison :

Une femme ayant sa raison,

Un chat passant parmi les livres,

Des amis en toute saison

Sans lesquels je ne peux pas vivre.

(trong Bestiaire)

tạm dịch :

Con miêu

Ao ước nhà mình ở :

Có bà nội trợ không thất thường,

Có con miêu trèo đi trên sách vở,

Có bạn bè quanh năm

Thiếu những món ấy thật khó thể sống

Bạn bè quanh năm, lại nhớ Trịnh Công Sơn, người nhạc sĩ tài hoa của chúng ta, cũng tuổi con mèo, mới đó mà đã mười năm khuất mặt. Hạt bụi nào



hoá kiếp ? Bây giờ rừng cây đã trụi lá, mùa đông đến, viết về mèo nhân xuân Tân Mão, tôi bỗng thương tiếc biết chừng nào, con mèo bị chột một con mắt rất thương yêu của chúng tôi, đã phải để lại trên căn gác ngôi nhà ở Tân Định khi ra đi, và cũng mới đó mà đã hơn hai mươi năm lưu lạc...

Virginia, 12-2010

ĐINH CƯỜNG





Mèo trong tranh Foujita

SƠ LƯỢC TIỂU SỬ CỦA FOUJITA

Foujita tên đầy đủ là Tsuguharu Foujita, thời gian sau thêm tên Thánh Léonard Tsuguharu Foujita. Sinh ngày 27 tháng 11 năm 1886 tại Tokyo, trong một thành phố nhỏ tên Omagari, cạnh bờ sông Edogawa. Cha là Tsuguakira Foujita, sĩ quan cấp tướng thuộc quân đội Hoàng Gia Nhật. Mẹ là Masa, mất năm 1891 lúc Foujita mới 5 tuổi. Foujita là con trai út, còn hai người chị và người anh trai.

Năm 1904 theo học tại xưởng họa của Honda Kinkichiro, để năm sau, 1905 thi đậu vào trường Mỹ Thuật Tokyo, hướng dẫn bởi giáo sư Seiki Kuroda, tốt nghiệp từ trường Mỹ thuật Quốc Gia Paris về.

Năm 1913, 27 tuổi, đi tàu thủy 49 ngày đêm từ Nhật cập bến Marseille rồi đi xe lửa đến gare Lyon, Paris, ngụ tại khu Monparnasse, thường ngồi ở café Le Dôme và La Rotonde. Gặp Picasso, rồi Chagall, Soutine, Modigliani... Năm 1917 cưới vợ là nữ họa sĩ Fernande Barrey. Triển lãm lần đầu tiên tại galerie Chéron. 1924 ly dị Fernande, cưới Youki. 1931, chia tay Youki, cưới Madeleine Lequeux, vũ nữ và người mẫu tại Casino de Paris, cùng Madeleine du lịch hai năm tại Châu Mỹ La

Tinh. 1936, Madeleine mất tại Tokyo, gặp và cưới người vợ Nhật cuối cùng: Kimiyo Horiuchi.

1941, cha mất, Foujita được phong hội viên Hàn lâm viện Mỹ thuật hoàng gia và được cử đi các nước Đông Dương như một tùy viên văn hoá của Nhật. Dự và bày tranh chung tại Hà Nội.

Năm 1949 rời Nhật qua Mỹ, dạy tại Brooklyn Art School. Triển lãm một mình tại New York. Năm sau quay lại Paris sống tại Montparnasse, trở thành quốc tịch Pháp năm 1954.

Những năm cuối đời, Foujita vô cùng sùng đạo Thiên Chúa, triển lãm tranh Thánh tại Trieste, ở Ý và được huy chương vàng. Vẽ tranh tường lớn, trang trí tranh kính và làm maquette xây nhà thờ Notre-Dame-de-la-paix tại Reims, còn gọi là "Nhà thờ Bảo tàng Foujita" (Musée-chapelle Foujita Notre-Dame de la Paix, 33 rue du Champ de Mars, 51100 Reims, Tel : 03 26 40 06 96). Thời gian này vợ chồng Foujita về ở tại một ngôi nhà vùng quê Villiers-le-Bâcle, thuộc tỉnh Essone nước Pháp. Nơi này, bắt đầu năm 2.000 trở thành di tích: Nhà -xưởng vẽ Foujita, 7 Route de Gif, 91190, Villiers-le-Bâcle. Công chúng viếng thăm, liên lạc điện thoại 01 69 85 34 65 www.essone.fr

Tháng 12 năm 1966, Foujita phải nhập viện vì bệnh ung thư. 1968 mất tại bệnh viện Zurich lúc 1:15 pm ngày 29 tháng Giêng, thọ 82 tuổi. Tang lễ được cử hành tại Thánh đường Reims, và chôn tại nghĩa trang Villiers-le-Bâcle.

Đọc qua các sách :

- **Foujita**, Jean Selz
Crown Publisher, Inc. New York, 1981.
- **Foujita**, Sylvie Buisson,
ACR Éditions, Paris 2001
- **Foujita inédits , À l'encre rouge, Archives artistiques, Fondation Nichido**, Sylvie Buisson, ADAGP, Paris 2007
- **Foujita, le maître du trait**
Editions Philippe Picquier, 2008
- **Paris Montparnasse**, Valérie Bougault
Editions Pierre Terrail, Paris 1997

Khúc hát ly hương

Thanh Trang

Chậm vừa

Xa đồng lúa quê hương Xa bến sông gợn
sóng Người ra đi viễn phương
Theo nhau tìm đất sông! Bao người đi không
đến! Lắm người đi không về!
Quê nhà hay đất mới Về trong giấc hôn
mê! Bến lạ ai trông chờ?
Đất nào cho nương nhờ? Trời, nước, mây hững
hờ Người, hồn xác bơ vơ!
Trôi dạt đến nơi đâu? Trên sóng cao biển
sâu! Người xa mong nhớ nhau

Bao đêm ngày có thâu ? Xót xa đời ly
 hương ! Người đi tìm lê sông !
 Có ai nào không mong sáng tươi ngày non
 Rit.
 sông ? Đi mà nhớ quê xa !
 ad libitum
 Mơ ngày Xuân rộn rã !



Đôi giòng về bài “Khúc hát ly hương”

THANH TRANG

Hôm lễ “Tạ ơn” ở xứ Mỹ này (bởi còn có lễ “Tạ ơn” của Canada, rơi vào ngày thứ Hai, tuần thứ hai của tháng 10 dương lịch) tôi sực nghĩ đến nguyên lai của ngày lễ “Thanksgiving” đầu tiên trên đất Mỹ vào năm 1621, khi mà theo như sử liệu phổ thông được truyền tụng - tuy có tranh cãi về mức độ chính xác của nó - một số người di dân đầu tiên (mệnh danh là “Pilgrims”) từ Âu Châu, sau khi đặt chân lên một vùng đất sau này thuộc tiểu bang Massachussetts, đã cùng ngồi chung bàn với một số người thuộc bộ tộc “Patuxet“, một bộ tộc “da đỏ“ bản xứ, thuộc sắc dân “Wampanoag”, để tạ ơn Trên đã cho mình đến đất mới bình an ! Mà nghĩa của từ “Pilgrim” trong tiếng Anh thì để chỉ về người đi “hành hương”. Thời đó, một thuộc địa mới trong tay người Anh được dựng lên ở Plymouth, thuộc Tiểu Bang Massachussetts về sau. Từ “Pilgrim” trong tiếng Anh còn có nghĩa là “người đi dã ngoại”, “đi xa”. Vậy thì những người “đi xa” - được gọi là “Pilgrim” - thời đó từ Âu Châu qua đất Plymouth ở Tân Thế Giới đúng là đi “hành hương” để tìm Chúa nơi vùng đất mới vì họ bị kỳ thị về mặt tín ngưỡng ở bên Anh, và tuy đã tìm đường nương thân bên xứ Hòa Lan thời đó nhưng họ vẫn ngại là có ở đây lâu dài thì sẽ mất dần bản sắc gốc Anh của mình. Bởi vậy mà từ Hòa Lan họ mới tìm đường qua “Plymouth” ở Tân Thế Giới”!

Từ đây tôi mới liên tưởng đến số hàng trăm nghìn con người , sau tháng Tư năm 75 ở Việt Nam, leo lên những chiếc thuyền không to gi

hơn những con thuyền cứu cấp treo trên con tàu buồm lớn chờ đám di dân qua Mỹ vào thời đầu thế kỷ 17 kia! Chứ còn giá mà số người vượt biển từ Việt Nam sau tháng Tư năm 75 đều ra đi trên những tàu buồm to cỡ đó, với dăm bảy cựu quân nhân thuộc QLVNCH có được trong tay những khẩu M16 hay M18 nữa thì để gì bọn công an biên phòng của cộng sản hay bọn hải tặc Thái Lan đã có thể hãm hại đến ngần ấy nạn nhân đi tìm tự do ? Để gì con số phải bỏ mình ngoài biển khơi theo như người ta ước lượng là khoảng 250.000 người (tài liệu của Cao Ủy Liên Hiệp Quốc đặc trách về chương trình Tỵ Nạn)?

Nhưng rồi chẳng lẽ khi không, tự dưng tự lành mà hàng triệu con người (tức là kể cả số người thoát chết trên đường đi tìm tự do trên biển khơi là chính) phải bỏ nước ra đi? Nguyên nhân của nó thì đã hàng chục, trăm nghìn tài liệu đủ các loại được thực hiện quanh đề tài đó! Tác giả bài hát ở đây không muốn liệt kê hay nhắc lại vì không biết sẽ phải bắt đầu từ đâu và ngưng lại ở đâu cho vừa!

Tác giả bài hát chỉ muốn gửi tâm tình của mình đối với những nỗi đau thương mất mát đầy bi thảm đó đến những ai còn nhớ đến chúng và có thái độ của người lớn thực sự là người lớn chứ không như đám trẻ con năm ba tuổi: Khi uất ức, bực tức, đau đớn chuyện gì vì đánh nhau, tranh dành đồ chơi của nhau thì la lối, to tiếng, khóc lóc om xòm trời đất lên một chập, rồi sau đó lại gia nhập cuộc chơi trở lại, như thể chẳng có chuyện gì xảy ra!

Tạo hóa sinh ra con người với một bản năng tự tồn rất hiệu nghiệm: Nếu có chuyện gì uất ức, đau buồn, căm giận thì với thời gian, thường ra người ta cũng dễ quên đi! Ấy là một

điều hay; bởi cứ uất ức, dằn vặt, cắn giận hoài thì làm sao sống?

Nhưng đồng thời thì cái mà trong tiếng Anh người ta gọi là “short memory” đó cũng là nỗi bất hạnh của giống người: Không nhớ cho thật kỹ những tội ác giống người gây ra cho đồng loại thì mọi việc lại cứ thế mà được kéo dài hoặc tái diễn! Chả cần phải đợi cho ông Santayana nhắc nhở điều đó cho mỗi dân tộc (1).

Thanh Trang

Nam Cali, đầu mùa Đông 2010

(1) “ *Những ai không nhớ được những sự việc đã qua thì trước sau gì cũng sẽ lại phải thấy những sự việc đó tái diễn*” [Trích lời của George Santayana, triết gia người Mỹ gốc Tây Ban Nha (1863 - 1952) trong quyển “The Life of Reason, Volume 1, 1905)]



Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm chân thành cảm tạ **Văn Thi sĩ Song Nhị** đã gửi tặng Tạp Chí **NGUỒN** số xuân Tân Mão. Xin giới thiệu cùng độc giả.

ĐÊM XUÂN TRẦN THẾ

1.

Cái nhìn từ tôi
vào một thực tại của tha nhân
là cái nhìn ngộ nhận
để tôi chưa thấy người qua dung nhan
ác quỷ, thiên thần
hay Thượng Đế
để nghe từng "sát-na" luân hồi
trong những đêm Xuân trần thế.

2.

Tôi vẫn tìm em
trong màu áo trắng hồn nhiên
trong màu xanh tình ái
với những nét yêu kiều con gái

3.

Tình không hay có
như mảnh áo xiêm trút bỏ,
vất bên giường,
còn thoảng một mùi hương.

4.

Nếu phải chọn một tổ ấm yên ương,
và đứng trước giáo đường,
ngàn năm câm nín.
Đôi lúc tôi rất đơn phương,
trước cửa Thiên Đường khép kín.

VIỆT BẰNG
(San Jose)

Phạm Dương Hiền và Buổi Hòa Nhạc Thính Phòng mừng Lễ Thanksgiving

PHAN ANH DŨNG

Một buổi hòa nhạc thính phòng do Nhạc sĩ Phạm Dương Hiền (Kevin Pham) tổ chức vào ngày 20 tháng 11, 2010 tại Saint John United Methodist Church ở tỉnh Springfield, tiểu bang Virginia, với sự tham dự của ban nhạc Prelude Chamber Ensemble (PCE) và một số ca nhạc sĩ địa phương. Buổi hòa nhạc, dài một tiếng rưỡi, bắt đầu vào lúc 3 giờ với khoảng 200 người yêu mến âm nhạc trong một buổi chiều cuối Thu thật đẹp.

Prelude Chamber Ensemble dùng dụng cụ âm nhạc cổ điển để trình diễn những bản nhạc dễ nghe nổi tiếng của nhạc cổ điển Tây phương, tân nhạc Việt Nam hay ngoại quốc - dưới dạng nhạc hòa tấu không lời hay phụ đệm cho người hát. Với phương cách này, PCE hy vọng thính giả quen với loại nhạc phổ thông sẽ yêu mến nhạc giao hưởng hay nhạc thính phòng hơn.

Phạm Dương Hiền, một nhạc sĩ quen thuộc với Cộng Đồng vùng Hoa Thịnh Đốn trong nhiều năm qua, cựu sinh viên ngành vĩ cầm của Trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn, hiện là nhân viên của Sở Bưu Điện Hoa Kỳ nhưng vẫn đam mê với âm nhạc nói chung và nhạc giao hưởng nói riêng. Anh là Concertmaster (đứng thứ hai sau nhạc trưởng) của dàn nhạc giao hưởng The NOVA Annandale Symphony Orchestra và là thành viên của Hội Nhà Giáo Âm Nhạc Hoa Kỳ (The National Music Teacher Association). Hiền sáng lập Prelude Chamber Ensemble được hai năm và đây là buổi hòa nhạc miễn phí lần thứ tư của nhóm kể từ mùa Thu năm 2009.

Sau lần trình diễn đầu tiên ở Đại Học NOVA Annandale campus, những buổi hòa nhạc sau đó của PCE đều được tổ chức tại Saint John United Methodist Church. Theo thời gian, PCE cũng được nhiều nhạc sĩ trong vùng biết đến và số thành viên tham dự vào ban nhạc đã tăng lên một cách đáng kể.

MC Phạm Xuân Thái mở đầu chào mừng quan khách đến tham dự buổi hòa nhạc đặc biệt để tri ơn Cộng Đồng người Mỹ gốc Việt nhân dịp Lễ Tạ Ôn ở Hoa Kỳ (Thanksgiving). Sau đó, anh giới thiệu Dr. Kitty Yang, Mục Sư về Âm Nhạc của nhà thờ nói trên, cũng là người bảo trợ việc làm của Hiền và nhóm PCE. Bà Yang mong mỗi mọi người sẽ tiếp tục ủng hộ Prelude Chamber Ensemble trong tương lai và cũng nhân cơ hội này mời mọi người đến tham dự các chương trình nhạc mừng Lễ Giáng Sinh trong tháng 12 ở nhà thờ này.

Phần 1 của buổi nhạc thính phòng được mở đầu với nhạc hòa tấu không lời do 10 nhạc viên của Vietnamese American Youth String Orchestra (Ban nhạc giao hưởng đàn dây của thiếu niên Mỹ gốc Việt) trình diễn 2 bài: "*Trống Cơm*" và "*The Inspector Clouseau Theme*", dưới sự điều khiển của Nhạc trưởng Phạm Dương Hiền và phụ đệm dương cầm của Nhạc sĩ Nguyễn Ngọc Châu. Hiền mong mỗi đem kinh nghiệm của mình để hướng dẫn các thiếu niên kỹ thuật hòa tấu, đòi hỏi tinh thần làm việc đồng đội và kỷ luật.

Chương trình được tiếp nối với 4 bản độc tấu dương cầm do MyLan Young và Phillip Dang trình diễn. MyLan rất trẻ nhưng ngón đàn nhiều tự tin và lưu loát với "*Fur Elise*" của Beethoven và "*Sonate KV 545*" của Mozart. Phillip với kỹ thuật chín chắn hơn đã trình diễn

rất thoát hai bản "*Ballad pour Adeline*" và "*Marriage d'Amour*" của Paul de Senneville.

Sau MyLan Young và Phillip Dang là phần hòa tấu xuất sắc của Prelude Chamber Ensemble qua 3 bản nhạc "*La Vie En Rose*" của Piaf/Gugluemi, "*Domino*" của Ferrari/Plante, và "*Bản Nhạc Chiều*" của Nguyễn Ngọc Châu. Prelude Chamber Ensemble gồm các nhạc sĩ: Lara Brandes, Patrick Geddes, Andrew Kovch, Kevin Pham (Violin I); Ahnika Emery, Minkee Kim, Vi Pham, Gwen Ward (Violin II); Monica Martin, Brittany Nelson (Viola); Nadine Jones, Michael Nelson (Cello); và Hernilo Parin (bass guitar). Trong phần hòa tấu này, Dr .Yang phụ đệm dương cầm 2 bài đầu và Nguyễn Ngọc Châu phụ trách bài "*Bản Nhạc Chiều*".

MC Phạm Xuân Thái mời Nhạc sĩ Nguyễn Ngọc Châu, hiện cư ngụ ở tỉnh Alexandria, Virginia ra trước sân khấu để khán giả và toàn ban PCE ghi nhận những nỗ lực vô vụ lợi của anh trong việc viết hòa âm cho phần lớn các bản nhạc hôm nay và những buổi hòa nhạc trước đây. Đây là một việc làm đòi hỏi nhiều sáng tạo và thì giờ. Châu cũng là người sáng tác và hòa âm phối khí cho bài "*Bản Nhạc Chiều*".

Phần 2 của buổi nhạc thính phòng do một số ca sĩ trong vùng hát nhạc Việt Nam và Pháp với phần đệm nhạc phụ họa của PCE. Tâm Hào mở đầu với "*Hải Ngoại Thương Ca*" của Nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông. Tiếp đến, Nguyệt Anh diễn tả "*Trở Về Bến Mơ*" của Ngọc Bích; Sĩ Tuấn thả hồn qua "*Ngậm Ngùi*" của Phạm Duy và "*Bài Không Tên số 8*" của Vũ Thành An; Bạch Cúc trình bày "*Không Còn Mùa Thu*" của Việt Anh; Sĩ Tường với "*Đoàn Khúc Cuối Cho Em*" của Hoàng Trọng Thụy; Châu Nguyễn với "*Oh, mon amour*". Nguyễn Đức kết thúc phần 2 với "*Nhìn Nhau Lần Cuối*" của Nguyễn Vũ và nhạc phẩm vui nhộn "*Bye Bye 26/38*" của Albertini và Garcia.

Trước khi chấm dứt, Phạm Dương Hiền cảm ơn tất cả khán giả đến tham dự và trân trọng nêu danh từng thành viên trong ban nhạc PCE đã bỏ công sức cộng tác thân tình với anh trong 2 năm qua. Anh cũng không quên cảm ơn Dr Yang và

Saint John United Methodist Church, các mạnh thường quân đã hỗ trợ cho PCE về tinh thần cũng như tài chính. Anh mong mọi vẫn nhận được sự giúp đỡ của mọi người trong tương lai để PCE có thể tiếp tục tổ chức những buổi hòa nhạc có giá trị miễn phí đến Cộng Đồng Việt Mỹ. Xin gửi chi phiếu ủng hộ, tax deductible, về: **Prelude Chamber Ensemble, Inc.**
P.O. Box 102, Annandale VA 22003

Liên lạc:

Email: "Kevin Pham"
socceronze@hotmail.com

Website:
<http://www.preludechamberensemble.com/index.html>

PCE cũng đã rất chu đáo tổ chức tiệc trà khoản đãi tất cả mọi người sau buổi hòa nhạc. Đây là cơ hội để khán giả trò chuyện với ca nhạc sĩ và hiểu biết thêm về PCE. Được biết buổi hòa nhạc kế tới dự trù sẽ được tổ chức vào mùa Xuân 2011.

Phan Anh Dũng
(Đầu mùa Đông 2010)



NS Nguyễn Ngọc Châu, MC Phạm Xuân Thái, NS Phạm Dương Hiền



PCE - Vietnamese American Youth String Orchestra



PCE và khán giả ghi nhận đóng góp quý báu của Nhạc sĩ Nguyễn Ngọc Châu (đứng giữa)



Một số khán thính giả



Sĩ Tuấn

Tâm Hào

Sĩ Tường

Nguyễn Châu

Nguyệt Anh

Bạch Cúc

Nguyễn Đức →



Prelude Chamber Ensemble

RONG CHƠI TRÊN NÚI TUYẾT

Phạm Thị Nhung

Tờ lịch trên tường đã voi dần theo ngày tháng, chẳng còn bao lâu nữa Tết lại đến.

Khu chợ hoa của siêu thị Tầng Frère đã tràn ra cả lối đi, thôi thì đủ loại hoa, từ lys, mẫu đơn, glaieul, thực được đến những giò thủy tiên còn khép nụ, thình thoảng chồi lên dăm ba bông hoa trắng nõn; từ những chậu quất trĩu quả, vàng rực bên cạnh những chậu lan đất nhiều màu đến những cành mai vàng óng ả, bên những cành hồng đào tươi thắm đã làm rực rỡ, tươi mát cả một vùng trời.

Rồi những giò mứt, nào sen, nào gừng, bí, dứa, nào me chua, tầm ruộc...màu sắc rộn ràng xen kẽ nhau, được bọc trong một lớp giấy bóng kính trắng, bên ngoài dán bốn chữ triện lớn -cung chúc tân xuân- đỏ ói, cùng với những đòn bánh tét, những thệp bánh chưng cao nghệu, đã choáng hết mặt tiền các siêu thị... Hai con đường lớn Ivry và Choisy của khu chợ Tàu Paris, quận 13, xe hơi nườm nượp đổ về, người người tập nập mua bán, tiếng cười nói, tiếng hỏi thăm tíu tít...Không khí sấm Tết nơi đây thật náo nhiệt, làm cho người ta có cảm tưởng đang lạc bước tới một phố chợ Tết nào đó nơi quê nhà.

Riêng đối với tôi, không khí nhộn nhịp của những ngày sửa soạn đón Tết còn mang một ý nghĩa tình cảm thân thương, pha chút bồi hồi xúc động, vì nó gợi tôi nhớ đến kỷ niệm ngày cưới 24 tháng chạp năm nào. Đây chính là lý do vì sao ăn mừng sinh nhật thì tôi chọn ngày tây cho dễ nhớ, còn ăn mừng kỷ niệm cưới thì nhất định phải ngày ta, cho được mang thêm hơi hướng cái không khí háo hức, thiêng liêng của những ngày giáp Tết.

Thấm thoắt đã hơn ba mươi năm trôi qua, những ngày còn ở Việt-Nam thì bạn con nhỏ, chúng tôi chẳng dám đi chơi xa, đến khi lưu lạc xứ người, thì những năm đầu, chồng đầu tắt mặt

tối lo sinh kế, vợ cũng tất bật lo nuôi dạy, diu dắt các con thơ trên bước đường học vấn và hội nhập vào xã hội mới, những mong sao chúng theo kịp người mà vẫn giữ được những cái hay, cái đẹp của phong tục, lễ giáo nước nhà.

Trong suốt thời gian này, mỗi kỳ nghỉ hè có dịp đi chơi đây đó thì cả bầu đoàn thể từ cùng theo. Có vài lần chúng tôi sang Mỹ thì chỉ cốt thăm viếng bà con họ hàng, nhất là những bậc huynh trưởng già yếu, cùng bạn bè, nếu không cũng là một chuyên công tác văn hóa; chưa một lần chúng tôi dám nghĩ đến hạnh phúc riêng tư... Nhưng nay, các con đã lần lần trưởng thành; soi gương ngắm lại mình thì mí mắt đã xệ, đuôi mắt, vành má đã có vết nhăn, tóc đã nhiều sợi bạc... mà không khỏi ngậm ngùi. Chúng tôi bèn quyết định làm một cuộc viễn du, tự cho phép mình được hưởng một tuần trăng mật thứ hai, giữa cái tuổi mùa thu của cuộc đời. Nhưng đi đâu?

Ài cũng biết, nước Pháp thuộc vùng ôn đới, Paris ở miệt bắc, là một trong những vùng lạnh nhất nước, vậy mà mỗi năm cũng chỉ có hai, ba độ tuyết rơi. Người ta khao khát một white Christmas sao mà khó thể. Chúng tôi cư ngụ ở thủ đô ánh sáng này đã mấy chục năm, chỉ thấy tuyết đổ, phủ trắng xóa kinh thành Paris có một lần duy nhất vào đúng ngày Chúa Giáng Sinh.!

Tôi giống dân Paris ở điếm, mỗi khi thấy tuyết rơi là reo vui hơn hờ.

Nhà ở lầu 11 trên một cao ốc, cửa sổ phòng khách lồng kính suốt, mở ra trước mắt cả một bầu trời mênh mông, hiem nhà có cái "vue" nhìn đẹp và thoáng như vậy, ai mới đến, trông thấy cũng tấm tắc khen.

Mỗi khi có mưa tuyết, nhất là những ngày có nhiều gió, ngồi từ phòng khách nhìn ra, qua khung cửa kính, tôi được ngắm cảnh tuyết bay

pháp phối, bay nghiêng ngửa, bay loạn tứ phía, đủ các vũ điệu, đẹp vô tả. Nhưng khi đôi mắt vô tình vừa hạ xuống một chút, thì tôi chạm ngay vào cuộc sống thế gian. Dưới kia là phố xá, xe hơi đi lại tấp nập, góc đường này là quán café, các tiệm buôn bán; bên kia là trường học, ...xa xa là những cao ốc cao thấp chen nhau ...làm tôi mất cả hứng. Thế nên tôi có thói quen, gặp ngày mưa tuyết, thì việc nhà rán thu xếp cho nhanh, rồi khoác áo thả bộ vào công viên. Tôi chậm bước trên những lối mòn thoảng đàng, để tận hưởng cái thú ngắm tuyết bay phơi phơi trong khung cảnh hoàn toàn thiên nhiên, và ngửa mặt đón lấy những cánh tuyết mỏng tang, trắng muốt, đậu nhẹ trên khuôn mặt, mà cảm thấy mình đang hạnh phúc vô biên.

Tôi thường nói với chàng của tôi ý muốn có ngày được ngắm cảnh trắng trên núi tuyết.

Cả gia đình tôi, từ chồng đến lũ con, không ai hiểu nổi lý do nào khiến tôi khăng khăng đề nghị đi chơi núi tuyết, cho chuyến du hành mang ít nhiều ý nghĩa đặc biệt này ?

Các con tôi nói, bố mẹ tính lên núi tuyết vì ham đi ski thì còn hiểu được, đằng này chỉ để xem tuyết rơi và ngắm trắng, quả là phí phạm ! Nhưng tôi có lý do riêng của tôi mà chẳng muốn nói ra, sợ lại bị bố con nó chế nhạo, rằng mẹ vẫn giữ thói lãng mạn tiêu tư sản của những con người đầu thế kỉ XX ! Chẳng là tôi đã chót được hưởng một đêm trăng 16 tuyết vời vợi với chàng của tôi trên bờ biển Cap Saint Jacques thuở nào, nên nay tôi lại muốn cùng ai ngắm cảnh trăng 16 trên núi tuyết, đối với tôi, như thế mới là trọn vẹn!

Tôi còn nhớ như in, đó là mùa hè năm 1959, anh tôi, kỹ sư sở Công Chánh Sài Gòn, được quyền mượn một ngôi biệt thự hai tầng ở giữa thành phố nghỉ mát Cap Saint Jacques cho một tuần nghỉ hè. Được bố mẹ tôi cho phép cả sáu anh em cùng đi, chúng tôi đã không bỏ lỡ cơ hội bằng vàng này. Anh tôi đề nghị, mỗi người được quyền mời thêm một, hay hai người bạn thân đi cùng cho vui. Tôi không mời ai, nhưng anh tôi biết ý, đã ngầm báo cho chàng

của tôi nhập bọn.. Bất ngờ nhìn thấy chàng xuất hiện nơi ngôi nhà nghỉ hè này, tôi run lên vì cảm động và vui mừng ; nhưng bản tính nhút nhát, tôi dâm sợ, cứ rúm lại.

Nào chàng có xa lạ gì cho cam, từ hơn hai năm nay, chàng thường đến chơi với anh tôi(?) mỗi cuối tuần. Và mới đây thôi, chàng đã liêu lĩnh đến đón tôi sau buổi thuyết trình văn học của giáo sư Nghiêm Toàn, tại trường Đại Học Văn Khoa, đường Nguyễn Trung Trực Sài Gòn. Lợi dụng con đường Nguyễn Du thanh vắng trên lối về, chàng đã tỏ tình. Như tôi đã nói, tôi vốn nhút nhát nên chẳng bao giờ dám hé môi thưa thốt chuyện yêu đương. Thế nên khi chàng hỏi:

-Em bằng lòng không? Chàng nhìn sâu vào mắt tôi, đầu gật gật ra chiều khuyến khích...

Tôi, mặt nóng ran, chỉ biết ấp úng trả lời:

Em... em không biết!

Ngụ ngợ thế đấy, nhưng những chiều chủ nhật nhàn rỗi, cùng anh em vui vẻ chuyện trò, tôi biết, qua ánh mắt, nụ cười, giọng nói mỗi khi tôi hướng về chàng, chàng đã hiểu tất cả?

Nụ cười, ánh mắt ... say sưa ấy

Đã hẹn yêu anh đến bạc đầu !

(V .H .C)

Và cũng chính vì đã có vụ tỏ tình kia nên khi trông thấy chàng xuất hiện, tôi mừng nhưng run quá, và từ đó không dám rời lũ em gái nửa bước.

Tối ấy, sau buổi cơm chiều, cả đám ngồi quây quần ngoài hiên nơi sân trước, hát hồng om sòm . Bất chợt tôi nhìn lên trời cao, nền trời xanh thăm thẳm, đây đó một vài vì sao lấp lánh. Tôi sực nhớ, đêm nay trăng 16, thế rồi rồi rít hồ lơ mọi người ra biển ngắm trăng; ai nấy nhao nhao hưởng ứng. Đoàn người nối đuôi nhau lên đường... Chúng tôi chọn bãi trước cho gần nhà, và tìm một khu vắng vẻ, xa hẳn hàng quán, ngồi duỗi chân trên cát, nhìn ra biển ...

Trước mắt tôi, khuôn trăng tròn vành vạnh, sáng ngời, in trên bầu trời lam thẫm; ngoài mặt biển tối đen, một dải sông trắng lấp lánh hiển hiện, kéo dài đến tận bờ nước nơi chúng tôi đang ngồi. Cảnh đẹp vô ngần, đẹp một cách huyền ảo, thần tiên! Tôi cảm động đến sững sờ!

Tuy ngồi xa chàng của tôi đến dăm bảy người, nhưng tôi vẫn cảm thấy hai đứa thật gần nhau, và chúng tôi đã lãng quên tất cả, từ anh em, bạn bè đến cảnh vật chung quanh... để tìm đến nhau, cùng đi vào một cuộc mộng du kỳ diệu không có hai lần trong cuộc đời!

Đêm đã khuya, ánh trăng đã nhạt về ngân và dòng sông trắng đã tan loãng trên mặt biển rộng, anh tôi hồi thúc mọi người ra về. Con thuyền mơ của chúng tôi đang trong cơn hốt hoảng... bị lật úp ! Chúng tôi đã không cùng nhau đến được Bến Cung Hằng, nơi tiên giới, nhưng may mắn thay, chúng tôi đã vượt qua được bao cơn sóng gió gia đình để đến được với nhau trong cuộc tình trăm năm!

Kỷ niệm đêm trăng 16 tuyệt vời trên bãi biển Cap Saint Jacques ngày ấy vẫn còn in sâu trong ký ức, và chắc chắn sẽ theo tôi trong suốt cuộc đời với bài thơ lưu niệm:

Trăng Biển

Trăng mười sáu , biển đêm huyền diệu

Gió thì thào quyến rũ ta đi...

Trên biển sóng, dòng sông trắng hiện hiện

Một dòng sông ngời ánh sáng lưu li!

Cảm động đến sững sờ ngây dại

Rồi chơi vui trong cuộc mộng du

Theo tiếng gọi ngàn đời vọng lại

Ta cùng đẩy thuyền rời bến viễn du...

Thuyền nhẹ lướt trên dòng lưu quang ấy

Dẫn đưa ta về chốn thiên tiên.

Thế gian mờ xa như chưa từng thấy

Một trời quanh ta trắng nước ảo huyền!

Hai mái chèo lan nhịp đều khua sóng

Làm lung linh, vang vọng cả không gian...

.....

Ngàn vạn cánh hoa trôi ngoài cửa động

Bảo thuyền ta sắp cập Bến Cung Hằng !

Mừng quá ta vung chèo đứng dậy

Hỡi ơi thuyền úp!- Bến Cung Hằng

Thấy đâu...? Trăng vẫn ở thờ chiều

Một dải vàng giữa sóng mênh mang.

(P . T . N)

Chàng của tôi vẫn thường chế nhạo cái đầu óc thiếu thực tế, chỉ ưa mơ mộng vợ vẫn của tôi; có

khí vui chuyện, chàng còn kể cho cả đám học trò và mấy anh rể GL nghe nữa đấy.

Nào là: Cô Nh. ấy à, tâm trí lúc nào cũng để mãi đâu đâu, chân không bao giờ dính đất. Có hôm kéo chiếc xe Caddie ra chợ, trên quảng đường vắng, chẳng hiểu mãi ngắm lá thu rơi đẹp thế nào đến nỗi vấp ngã, đầu gối bên trái toét máu; tay phải chống đất, bị sỏi, đau cả mấy tháng không khỏi. Các con bị kẹt gửi cháu, ông ngoại lãnh đủ, phải bế cháu một mình, vì bà ngoại còn đau tay!

Cô Nh. ấy à, đi đâu mang dù, mang mũ theo thì 10 lần đến 8 lần mất. Mới đây thôi, có cái mũ đẹp nhất, quý nhất, đi phố đội vào, tháo ra thế nào, rồi lãng quên... khi sức nhớ ra thì mũ đã không cánh mà bay tự bao giờ!. Về cứ xít xoa tiếc mãi, chỉ có ông chồng là khổ cái tai, vì phải nghe hoài một điệp khúc.

Cô Nh. ấy à, hôm nào mà mãi tìm vần thơ, hay lạc hồn vào một bản nhạc nào đó, thì hôm ấy chồng con được ăn thịt khét, com khê là sự thường.

Cô Nh. ấy à...

Ở đầu bàn bên này , rể thầy, rể trò gật gù thông cảm nhau sâu sắc; trong khi đầu bàn bên kia có tiếng thỏ thè: Cô ơi, em cũng vậy!...Thế rồi cả đám thầy trò đàn bà con gái phá lên cười, không sức nào kìm hãm được, cười đến chảy cả nước mắt!

Mặc chàng muốn nói gì thì nói, chê gì thì chê, nhưng tôi biết chắc chàng sẽ nghe theo đề nghị của tôi. Quả như rằng, chúng tôi sẽ lên đường hưởng tuần trăng mật thứ hai của cuộc đời tại vùng núi Alpes nước Pháp. Rõ là bàn luận vòng vo tam quốc chán, cuối cùng ý của vợ vẫn là tuyệt hảo nhất, lý của vợ vẫn là chí lý nhất! Ai mà chả biết:

- Chồng yêu cái tóc nên dài, cái duyên nên đẹp, cái tài nên khôn!

Chuyến xe lửa ngày rằm tháng chạp đã đưa chúng tôi từ ga Lyon đến tỉnh Grenoble, thuộc miền cao nguyên phía đông nam nước Pháp. Qua một đêm nghỉ ngơi tại ngôi chùa Hoa-Nghiêm của Sư Bà Chí-Hải, để hai chị em bạn gái có dịp hàn huyên tâm sự, vì đã lâu không gặp.

NẾU EM LÀ...

Nếu em là quyền vớ vàng
Để anh thêu dệt những hàng thơ vương
Chữ yêu anh viết tỏ tường
Chữ tình buốt xé con đường nhớ mong

Nếu em là một dòng sông
Thuyền anh mơ bến nguyện lòng đợi nhau
Mãng đời xuôi ngược cuốn mau
Về nguồn gởi gắm tình sầu dở dang

Nếu em là chiếc lá vàng
Thu sang anh nhạt trắng ngàn tặng em
Xạc xào lá rụng nửa đêm
Anh mừng ngõ bước chân em trở về

Nếu em là mái tóc thê
Để anh thác đổ tuôn về vai thon
Sóng trào những sợi lon ton
Sợi buồn sợi nhớ gom tròn mộng say

Nếu em là mây trắng bay
Anh xin làm gió chở đầy giấc Xuân
Tình qua bao cuộc trầm luân
Để anh gồng gánh gian truân khổ sầu

Nếu em là giọt mưa ngẫu
Đường xưa anh bước uơm mầu thủy chung
Dấu giày dù có không cùng
Ngút ngàn tình nhớ trên vùng mưa rơi

Nếu em là ánh trăng ngời
Anh làm chú cuội không rời gốc đa
Tình tan nhỏ giọt châu sa
Thôi thì thôi nhé nay là dư âm

Uyên Phương Minh Nguyệt
(Texas)

Sáng sớm hôm sau, Sư Bà đã sửa soạn cho chúng tôi một bữa điểm tâm thịnh soạn, cùng tiễn chân bằng một giỏ đầy những hoa quả và nước ngọt, kèm theo hai cái bánh chung đem theo ăn trưa. Chúng tôi từ giả nhà chùa đi bộ đến ga xe ca (gare routière), nơi có những chuyến xe ca đưa đón hành khách từ thị trấn Grenoble đi khắp các miền núi Alpes quanh đó. Chúng tôi đến ga đúng 8 giờ sáng, tương sớm, hay đâu hành khách đã đông nghịt.

Sau khi vào phòng thông tin, xin được tờ giấy ghi lịch trình các chuyến xe chạy cùng các địa điểm du lịch, chúng tôi mau lẹ quyết định chọn miền cao nguyên L'Alpe d'Huez, nơi có nhiều bãi trượt tuyết nổi tiếng, cho ngày đầu tiên rong chơi nơi vùng núi ngập tuyết này.

Chuyến xe ca mang số 19 bắt đầu chuyến bánh đúng 9 giờ sáng, đưa chúng tôi lên đường. Trên xe, hành khách hầu hết từ phương xa đến để đi trượt tuyết, chỉ có vài người dân cư ngụ đâu đó trên đường xe đi chuyên; riêng chúng tôi, có lẽ là hai hành khách duy nhất, đến đó chỉ với mục đích xem tuyết rơi và ngắm trăng trên núi tuyết !

Ra khỏi thành phố Grenoble, xe bắt đầu leo dốc, rồi từ từ theo đường núi vòng vèo mà lên cao. Nhìn sang hai bên đường đã bắt đầu thấy tuyết, tuyết rải rác đặc trên những mái nhà, vòm cây, bãi cỏ... Xe càng lên cao thì tuyết càng nhiều, phủ trắng xóa hai bên thung lũng, chẳng còn nhìn ra cảnh vật bên dưới nữa.

Lúc xe mới lên đường, chỉ thấy lẻ tẻ đôi ba chiếc, bây giờ lên cao, xe ùn lại thành đoàn, nối đuôi nhau chậm chạp lăn bánh trên con dốc. Dốc càng cao, xe càng khó lên, lại thêm tuyết phủ đầy đường trơn trượt.

Đến quá trưa thì xe tới thị trấn L'Alpe d'Huez. Có khá nhiều chiếc navette nhỏ nhỏ, chạy lảng xảng đưa hành khách từ bãi đậu xe vào trung tâm sinh hoạt của phố thị. Nơi đây, du khách tập nập ra vào trong các siêu thị hay các quán café, các tiệm ăn, các tiệm bánh, hoa quả...; đông nhất và ồn ào nhất là phòng thông

tin, bên cạnh có bàn giấy quảng cáo du lịch, bàn giấy làm dịch vụ cho khách thuê phòng trọ.

Phải mất nhiều thì giờ dò hỏi, chúng tôi mới chọn được một khách sạn (loại chalet) vừa ý, ở độ cao lưng chừng núi, cửa sổ và mặt trước toàn lồng kính để du khách dễ ngắm nhìn cảnh trí thiên nhiên; đây còn là một khách sạn có quán ăn, chúng tôi được lo cho bữa quà sáng và bữa ăn tối, thật là tiện.

Về khách sạn ăn uống nghỉ ngơi một chút, chừng 3 giờ chiều, chúng tôi đã đóng bộ chỉnh tề, áo liền quần với mũ len trên đầu, khăn len quấn cổ, chân đi botte, tay mang găng và không quên đeo đôi kính mát trên mắt, vì tuyết phản chiếu ánh sáng mặt trời sẽ làm chói lòa con ngươi người ta.

Vừa ra khỏi hotel đi xuống bãi, người đầu mà đông thê, bây giờ đang giữa mùa trượt tuyết có khác! Những người đi ski, họ thường đi theo từng nhóm, nhóm gia đình hay nhóm bạn bè, trên vai ai nấy vác những thiết bị để trượt tuyết; họ ăn mặc sắc sỡ, quần áo đủ màu, vừa đi vừa nói chuyện ồn ào, hay ca hát rộn ràng, làm cho không khí quanh đây thật tung bừng huyền ảo, và làm cho chúng tôi cũng cảm thấy náo nức, muốn hòa nhập với họ, trở thành những skieurs như họ.

Quả thật đã có hồi chúng tôi nổi hứng, cũng muốn đua đòi theo gia đình người anh nhà tôi đi học trượt tuyết, để được nếm mùi môn thể thao kỳ thú và có nhiều tinh thần mạo hiểm này. Song nghĩ xa thôi lại nghĩ gần, sợ cánh ngã què chân, gãy tay nên vội dẹp ngay ý thích ngông cuồng nhất thời kia đi.

Chúng tôi bắt đầu nói đầu tư xếp hàng mua vé, để được chở bằng dây cáp treo (téléphérique) lên những bãi trượt tuyết trên cao.

Mỗi trung tâm trượt tuyết thường có nhiều bãi, chia cấp bậc theo mức độ cao thấp.

Bậc 1, thấp nhất, cao khoảng vài trăm mét, được gọi là piste verte, dành riêng cho trẻ em hay những người già và những người mới tập đi ski.

Bậc 2, cao khoảng 1.000 mét trở lên, gọi là piste bleu

Bậc 3, cao khoảng 2.000 mét trở lên, gọi là piste rouge

Bậc 4, cao nhất, từ 3.000 mét trở lên, gọi là piste noire

Muốn đưa khách đến bãi trượt tuyết bậc 1, người ta chỉ dùng một cái cần dài có thiết bị ghế ngồi (tire-fesse), kéo lên. Muốn đưa khách đến bãi trượt tuyết bậc 2 hay 3, người ta phải dùng giây cáp treo có thiết bị ghế ngồi (télé-siège), kéo lên; ngoài ra, người ta còn dùng loại cáp treo thiết bị cả một cái toa kín (télé-cabine), để đưa được nhiều khách lên cùng lúc. Trường hợp đưa khách lên bãi trượt tuyết bậc 4 cũng vậy.

Đặc biệt ở bãi bậc 3 và bậc 2, giây cáp treo có thiết bị ghế ngồi còn có thể đưa khách đi ski từ bãi trượt tuyết bên quả núi này sang bãi trượt tuyết bên quả núi kia. Thật là thú vị, trông từ xa cũng thấy đẹp mắt.

Khi đối diện với bà bán vé, chúng tôi có trình bày ý định muốn lên bãi cao nhất để ngắm cảnh. Bà ta có khuyển, nên vậy nên đợi ngày mai, vì đài khí tượng có báo, mai trời nắng tốt suốt ngày, xem cảnh sẽ rõ hơn. Còn chiều nay, khoảng xế chiều sẽ có gió, mây nhiều và có mưa tuyết, sau đó còn có bão tuyết. Bão tuyết ở đây thường lắm!

Tôi ngược mắt nhìn trời, nền trời vẫn xanh trong, thoáng vài cụm mây trắng nên tỏ dấu nghi ngờ. Và chúng tôi vẫn giữ ý định mua vé lên cao hôm nay với lý do, ngày mai chúng tôi đã đi khỏi, chỉ còn ở lại chiều nay. Bà bán vé chiều ý khách nhưng không quên dặn với - Nhớ xuống sớm!

Đã có vé trong tay, chúng tôi leo lên télé-cabine, chen chúc giữa đám khách đi trượt tuyết. Trên vai họ, người nào người nấy đều mang đồ thiết bị trượt tuyết, gồm một đôi ván bằng nhựa, có bộ phận để bắt vào giày đi ski (chaussure de ski), dùng làm bàn lướt trượt tuyết, và hai cái gậy sắt, vừa dùng để lấy đà, vừa dùng để giữ thăng bằng.

Khi télé-cabine dừng ở bãi tầng 2, một số người tóa ra, tầng 3 cũng vậy. Những bãi trượt

tuyết này rất rộng, độ dốc tương đối thoải thoải nên phần đông dân đi ski thích.

Khi télé-cabine lên đoạn chót, bậc 4 , số khách đi ski vắng hẳn, họ thường là những khách trung niên cường tráng, có tinh thần ưa mạo hiểm, liều lĩnh và cũng phải từng lão luyện trong nghề chơi này. Chính bà chị đầu người Pháp của tôi, đi ski từ hồi còn nhỏ, nay đã trên 60 tuổi, cũng đã phải thú nhận, mỗi lần trượt tuyết ở bãi cao như thế, bà vẫn thấy hồi hộp, vì nguy hiểm có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

Chúng tôi rời cabine ra ngoài bãi trượt tuyết bậc cao nhất, nơi cho khách sửa soạn trượt tuyết, rộng chừng 100 mét vuông, bãi trượt tuyết chỉ toàn những con dốc cao , trông đến chóng mặt. Những người trượt tuyết ở đây, vừa ra đến bãi, chỉ một loáng, họ đã mắc giầy vào hai thanh ván đầu đậy, hai cái gậy sắt khoa lên, rồi đẩy thật mạnh xuống nền tuyết để lấy đà, họ lướt nhanh trên triển dốc một cách ngoạn mục, trông đẹp như những vị thiên thần đang chấp cánh bay.

Có điều rất lạ, lên tới độ cao trên 3.000 mét mà chúng tôi không thấy lạnh , có lẽ vì mặc đủ ấm và trời còn nắng.

Từ thềm núi cao chót vót, chúng tôi say sưa ngắm cảnh bao la của vũ trụ...

Khắp bốn phương, núi non bát ngát ở dưới tầm mắt, đây đó nhô lên những ngọn cao, thân núi thì chìm lìm giữa những thung lũng tuyết bạt ngàn, hay giữa những vực sâu hun hút. Khắp không gian, đâu đâu cũng chỉ một màu trắng xóa, đã trải rộng tầm nhìn của chúng tôi đến vô cùng, vô tận... Tôi cảm thấy mình thật nhỏ bé, hồn mộng lâng lâng, thân thể nhẹ bẫng như vừa được chấp cánh tiên, tự do nhơn nhơ bay lượn trong không trung:

Từ trên đỉnh núi tót vọt

Không gian trắng toả, ngát trời tuyết băng.

Hồn thơ nhẹ cánh phù trần

Phiêu diêu trong cõi thình không tuyết mù.

(P.T.N)

Chiều xuống, trời trở gió, nền trời đã ngả màu trắng đục tự bao giờ ,và tuyết bắt đầu rơi.

SỐ 54

Người đi ski vẫn vèo vèo lướt qua trước tầm mắt... Chúng tôi thích thú đứng né vào một góc bãi ngắm tuyết bay... Lúc đầu tuyết chỉ lất phất rơi, cánh mỏng như bọt nước rồi càng ngày càng nhiều, cánh tuyết dày hơn, trắng nõn như bông. Những cánh hoa tuyết phấp phới bay trong không gian...Tôi nhắm mắt lìm dim, ngửa mặt hứng lấy những cánh hoa tuyết đậu nhẹ trên da mặt, rồi từ từ tan loãng thành những giọt nước trong ngần; tôi đưa lưỡi liếm những giọt nước mát lịm ấy một cách trân trọng, như đón nhận một ân sủng của thượng đế...

Có tiếng chàng của tôi giục:

-Mưa tuyết rồi, thôi xuống đi!

-Chút nữa đã, tuyết rơi đẹp quá!

-Mau về thôi, người ta về hết rồi kia kia!

Tôi hé mắt to hơn, liếc nhìn sang hai bên, vẫn loáng thoáng thấy có người đi ski lướt qua nên lại yên tâm, cố đứng nán ngắm cảnh thêm chút nữa..., cho đến khi chàng của tôi chạy xộc tới, nắm lấy tay tôi kéo phóng vào cabine... ; trong đó, người ta đã đứng chen chúc nhau, đông nghẹt... cũng vừa lúc cánh cửa cabine bắt đầu từ từ khép lại. Hú vía!

Khi dây cáp vừa hạ cabine xuống bãi trượt tuyết bậc 2 thì những người đi ski tủa ra hết, chúng tôi cũng theo ra, ngơ ngác nhìn họ lũ lượt theo nhau trượt vèo vèo xuống núi. Đứng một lúc, thấy cửa cabine vẫn đóng, bất động , mà bên ngoài chẳng còn một ai . Bấy giờ chúng tôi mới chợt hiểu, chúng tôi chỉ còn phương tiện duy nhất trở về khách sạn bằng chính đôi chân của mình!

Ngoài trời đã xầm tối, gió bắt đầu thổi mạnh, tuyết bay tới tấp... Chúng tôi thật sự hoảng sợ, nắm chặt tay nhau lao xuống núi.

Gió càng lúc càng mạnh, tuyết rơi lá tả rời tuyết đổ ào ào, xung quanh chúng tôi chỉ những tuyết và tuyết, tuyết ngập lụt như muốn phủ chụp lấy chúng tôi. Trông ngực tôi đánh thình thịch, và có cảm tưởng không còn cách nào thoát khỏi bị chôn vùi trong trận bão tuyết oan nghiệt này!

Giữa lúc tuyệt vọng nhất thì ở dưới xa, tí xa..., có vài chấm sáng lấp lánh như những con

133

đom đóm xuất hiện. Vừa chợt hiểu đó chính là ánh điện chiếu ra từ các hàng quán nơi phố thị, chúng tôi mừng rú lên, ôm chặt lấy nhau hôn tới tấp... vì biết mình đã thoát chết!

Không để cho giây phút xúc động lãng mạn kéo dài, chàng của tôi lại nắm chặt lấy tay tôi, kéo tôi tiếp tục chạy lao về phía chân núi trong cơn bão tuyết đầy trời!

Tôi hôm ấy trong quán ăn, chúng tôi cảm thấy chưa bao giờ được ăn một bữa cơm ngon miệng và no say đến thế, mặc dầu vẫn chỉ là những món ăn thường dùng. Ngoài mấy món khai vị, một miếng beefsteack dày, to, rán cháy xém hai đầu nhưng thịt bên trong vẫn còn giữ được màu hồng tái, với một đĩa khoai tây chiên bơ, rắc fromage bở lỏ, thơm phức, thêm một cốc rượu vang đỏ hảo hạng.

Đêm đó, từ phòng khách sạn nhìn qua khung cửa kính, bão tuyết vẫn dữ dội. Chúng tôi bèn kéo hai cái ghế bành ra sát bên cửa sổ để ngắm cảnh. Chàng của tôi mới thú thì:

-Lên núi xem cảnh tuyết rơi như thế đã chưa? Bão tuyết còn mù mịt như vậy, không biết ông trời moi đâu ra vàng trắng 16 cho em ngắm?

Tôi tuy đã tiu ngưu nhưng vẫn cố nói cứng:

- Chưa chắc!... mà ngắm cảnh bão tuyết cũng thích chứ?!

Chàng của tôi ngồi ngắm cảnh bão tuyết một lúc thì chán phèo, chui vào giường nằm nghỉ.

Tôi vẫn không rời khỏi ghế, lắng tai, dõi mắt thường thức cảnh bão tuyết.

Gió hú từng cơn ngoài trời, gió đập rào rào vào các khuôn kính, gió tung hoành tứ phía... Phụ họa với gió là tuyết, tuyết rơi tằm tã, tuyết đổ ào ạt, tuyết uốn mình xoáy theo chiều gió cuốn, tạo thành những hình dạng dị kỳ và biến đổi không ngừng ra muôn hình vạn trạng, chóiáng ngợp không gian...

Cảnh bão tuyết cũng có một hấp lực riêng, phải nói là rất đẹp, nhưng là một vẻ đẹp vừa kỳ lạ, vừa lạnh lùng, hung hãn.

Khi đã mệt rũ tôi mới chịu chui vào giường, rồi ngủ thiếp lúc nào không hay... Lúc chợt tỉnh, tôi chạy phóng ra gần cửa kính nhìn

trời, bão tuyết vẫn triền miên... tiếc rẻ, tôi cố nán lại ngắm cảnh thêm chút nữa rồi mới chịu đi ngủ tiếp.

Lúc chợt tỉnh giấc lần thứ hai, nhìn đồng hồ đã hơn hai giờ khuya, thấy có một luồng ánh sáng dịu nhẹ chiếu chệch vào phòng; tôi chồm về phía cửa kính nhìn ra, thì trời ơi, trời quang mây tạnh từ bao giờ! Con trăng 16 lờng lờng ngự giữa biển trời! Tôi rú lên, chạy đến bên giường, kéo chàng của tôi dậy ra ngắm trăng với tôi.

Quang cảnh tĩnh mịch một cách lạ thường, tất cả không gian đều im lìm bất động, như chưa từng có một xáo trộn nào xảy ra, nói chi đến trận bão tuyết với cuồng phong kéo dài vừa rồi.

Trên nền trời xanh thẳm không một gợn mây, vàng trắng 16 tròn trĩnh, trong vắt hiện ra với tất cả vẻ đẹp nguy nga, lộng lẫy như tự muôn xưa; bên dưới, núi tuyết trùng điệp, trắng ngát, được bao phủ bởi ánh trăng thanh... tạo nên một vẻ đẹp mung lung, huyền ảo, thần tiên!

Tôi đứng dựa đầu vào vai chàng, ánh trăng rơi rớt cả trên khuôn mặt, trên vạt áo ngủ bằng lụa bạch của chúng tôi... Cứ thế, chúng tôi đứng bên nhau say sưa ngắm cảnh trăng 16 trên núi tuyết...; chỉ còn nghe thấy tiếng hơi thở và tiếng tim đập nhịp nhàng trong lồng ngực... Không ai dám thốt một lời, sợ làm tan loãng mất cái giây phút hạnh phúc tuyệt vời và thiêng liêng hiếm hoi ấy.

Cho mãi tới khi con trăng bắt đầu xé bóng, tôi mới ngược mắt khẽ hỏi chàng:

-Trăng 16 trên núi tuyết đẹp phải không?

Chàng không trả lời thẳng vào câu hỏi của tôi, chỉ khẽ gật đầu, mà hỏi lại:

-Chỉ có thế ?

Tôi ngây thơ trả lời:

-Trăng trên núi tuyết đẹp như vậy, anh còn muốn gì hơn?

Chàng cúi xuống đặt trên môi tôi một cái hôn nồng nàn sau tiếng thầm thì nhẹ như gió thoảng:

-Đẹp, trăng trên núi tuyết đẹp, nhưng... em của anh còn đẹp hơn!

Tôi bẽn lẽn như cô dâu trong đêm tân hôn, nghe nhịp tim mình đập loạn xạ giữa vòng tay xiết chặt của chàng.

Nửa khuya bão tuyết vừa tan
Trăng tròn ngự đỉnh trời Alpe d'Huez
Tuyết trắng, trăng tuyết ảo kỳ
Không gian tĩnh... chỉ thăm thì tiếng tim.
(P.T.N.)

Trưa hôm sau chúng tôi xuống núi, trở lại ga xe ca nơi thị trấn Grenoble, lấy chuyến xe khác đi Vercors. Đây là một vùng rừng thông trên núi tuyết, thuộc miền núi thấp, trước khi dẫn đến dãy núi Alpes.

Núi ở đây không cao lắm mà thoải, nơi có những rừng thông ngút ngàn. Tuyết ở đây không đóng thành băng dày để có thể đi ski, mà lại xốp. Muốn đi ngắm cảnh rừng thông phải thuê đôi raquettes và đôi gậy. Raquettes thì buộc vào giày để bước đi cho vững, còn đôi gậy dùng để dò đường, vì tuyết xốp phủ kín đường đi, nếu không dò trước nông sâu có thể bị thụt chân, sa xuống hồ như chơi.

Có lẽ trước đó một hôm, bão tuyết cũng thổi qua đây, nên sáng nay cảnh rừng thông toát ra một khí vị thanh khiết, nên thơ lạ thường.

Con đường vào rừng là cả một tâm tham tuyết trắng muốt tinh khôi, chưa hề có dấu chân người. Trên cao, hoa tuyết trĩu nặng cành cây, phủ kín tán lá, tưởng chừng như cả rừng thông, cành lá toàn bằng pha lê trong suốt, đang lóng lánh dưới ánh mặt trời.

Chúng tôi ăn picque-nicque ngay trong rừng, và ngày hôm sau, chúng tôi lại tiếp tục đi khám phá những khu rừng thông kế cận.

Hai ngày chót, chúng tôi đi thăm vùng núi tuyết Chamonix, Mont-Blanc. Nơi đây cũng có những bãi trượt tuyết nổi tiếng, nhưng chúng tôi chỉ muốn đi thăm Biển Băng(Mer de Glace).

Sáng hôm sau, từ khách sạn ngoài phố thị, chúng tôi ra ga xe lửa đặc biệt, đưa khách ngược lên núi Mont-Blanc, ở độ cao trên 4.000 mét. Cuộc hành trình bằng xe lửa này kéo dài hơn nửa giờ đồng hồ; nửa giờ đồng hồ ấy đối với tôi đã là kì thú. Suốt dọc đường lên núi,
SỐ 54

nhìn ra hai bên thung lũng, tuyết phủ trắng ngàn, những cây thông ven rừng và dưới thung lũng đều trĩu nặng hoa tuyết, trông như những cánh rừng pha lê nơi Vercors, đang thi nhau phản chiếu ánh nắng lung linh.

Tôi ngồi trên xe mà không yên, cứ đổi chỗ hết dãy ghế bên phải lại sang bên trái, tay trên thành cửa sổ, say sưa ngắm cảnh thiên nhiên cho thoả con mắt.

Đến Mer de Glace, trước tiên chúng tôi tới thăm Động Tuyết, nơi đây tuyết đóng băng thành một cái động lớn, quanh năm suốt tháng không hề suy chuyển. Mer de Glace cũng vậy, tuyết đóng thành biển băng từ bao ngàn năm. Biển Băng không bao giờ hao mòn mà trái lại, cùng với thời gian, tuyết càng ngày càng dày thêm, nay đã sâu trên 2.000 mét. Sau đó , chúng tôi trèo lên ngọn Jorasses.. Xung quanh núi non san sát, tạo thành một quần thể trông rất hùng vĩ.

Đúng là mỗi nơi , mỗi cảnh thiên nhiên đều có những nét đặc thù riêng của nó, nhưng phải công nhận những nơi núi tuyết mà chúng tôi vừa rong chơi , nơi nào cũng để lại trong lòng chúng tôi những ấn tượng sâu sắc, những kỷ niệm kỳ thú, khó quên.

Trên chuyến xe ca từ núi tuyết trở lại thành phố Grenoble, thật bất ngờ, tôi đã bắt gặp một hình ảnh thân thương của làng Bạch Mai, quê mẹ, những năm còn thơ ấu. Trên xe ca từ triền núi dốc cao chạy xuống, trước mắt tôi, những vòm cây, tán lá phủ đầy tuyết trắng xóa, lúc này, xa trông, tôi tưởng chừng như những cánh đồng hoa mai đang tung bùng nở rộ những cánh hoa trắng muốt, nồn nả nơi làng xưa mỗi khi xuân đến .

Từ trên đỉnh núi Mont-Blanc
Trông vời cổ quốc ... mịt mù tuyết bay
Đường xuống núi ... trắng ngàn cây
Ngõ mai hoa đã nở đầy quê xưa.
(P.T.N.)

Phạm thị Nhung
(Paris)

CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM Ở MỸ TRƯỚC 75

Trương Ảnh Thụy

Phần I

Trước năm 75 của thế kỷ XX, không có bao nhiêu người Việt ở trên đất Mỹ. Có lẽ không hơn 10-15 nghìn người trên khắp nước Mỹ rộng lớn bao la này. Trong số này khoảng 10 nghìn người có lẽ là vợ con của những người Mỹ sang chiến đấu hay phục vụ tại Việt Nam, những thành phần mà tiếng Mỹ gọi là “war brides” với con riêng của họ hay/và con lai với chồng Mỹ. Khoảng 2 nghìn người là sinh viên Việt Nam theo học trong các trường đại học Hoa Kỳ hay sĩ quan tu nghiệp và có chừng 2 nghìn người nữa là nhân viên một số cơ quan, như sẽ được phân tích dưới đây. Số người sau này tăng giảm, một số không ở đây cố định, họ ở hết nhiệm kỳ thì lại trở về nước, một số khác được gửi sang...

Các thành phần kiều bào trước 75 có thể được phân loại chi tiết như sau:

Sứ quán, Tổng lãnh sự, văn phòng Quan sát viên LHQ

Giới này tương đối đông đảo. Các nhân viên Việt Nam này không những gồm những người được tuyển từ Việt Nam mà còn có người được tuyển tại chỗ. Giới này, nếu đi từ Việt Nam thường mang theo cả gia đình, có khi mang cả người làm. Như trường hợp Sứ quán ở Washington, tuy nhân viên thực thụ không quá 40-50 người, nhưng trong thực tế khi cộng cả vợ con và những người đi theo thì cũng vẫn có

thể lên tới vài trăm. Họ thường sống tại các thành phố lớn, gần nơi các văn phòng họ làm việc. Đó là trường hợp Sứ quán VNCH tại Washington, Văn phòng Quan sát viên ở LHQ ở Nữu Ước và Tòa Tổng Lãnh Sự Việt Nam ở San Francisco.

Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ (VOA)

Nhân viên đài Tiếng Nói Hoa Kỳ trung bình có độ 15 người, cộng thêm gia đình họ chắc cũng phải lên tới cả trăm người. Đa số các nhân viên này sau một thời gian đã trở thành dân Mỹ. Họ sống qui tụ trong vùng Hoa Thịnh Đốn.

Sinh viên

Các sinh viên sang Mỹ du học tại nhiều trường và được cấp nhiều loại học bổng, điển hình nhất là:

1/ Học bổng của IIE (International Institute of Education), gồm các học bổng lẻ tẻ của các đại học, trao qua IIE ở New York. Các sứ quán Mỹ ở các quốc gia, thường là phòng thông tin Mỹ USIS (U.S. Information Service), chọn người để cấp học bổng qua các kỳ thi.

2/ Học bổng của USAID (U.S. Agency for International Development, Cơ quan Viện trợ Quốc tế của Hoa Kỳ). Phần lớn các sinh viên đi học lấy bằng hay các công chức Việt Nam đi tu nghiệp (1-2 năm) đều qua con đường này.



* GS Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh (người ngồi dãy bên trái, mặc áo trắng cổ cao, với bé gái, con ông trên lòng. Bên trái ông là sinh viên Phan Anh Dũng, một người đầy máu văn nghệ, hiện sống với vợ là Tâm Hảo và hai con ở Richmond.) Hình chụp các sinh viên VN du học ăn Tết ở Ann Arbor, Michigan, khoảng năm 1972.

3/ Học bổng do phía Công Giáo tổ chức xin từ các đại học. Cha Jacques (Cha Emanuel Jacques), người Bỉ, nói tiếng Việt rất thông thạo, là người phối hợp chương trình này trong rất nhiều năm. Đặc biệt Cha là ân nhân của rất nhiều sinh viên Việt Nam thời đó.

4/ Một số nhỏ hơn nhiều và học bổng ít tiền hơn nhiều do chương trình của Bộ Giáo Dục Việt Nam.

5/ Các học bổng cá nhân do những liên hệ riêng với các trường công, tư, hoặc các trường Công Giáo. Một số sinh viên được đưa vào học ở các trường nổi tiếng của Mỹ như các trường gọi là Ivy League ở miền Đông Bắc như Harvard, Yale, Princeton, Columbia, Darmouth, Cornell..., một số khác không theo học ở các trường loại đó nhưng cũng rất nổi tiếng như MIT, Stanford, Caltech, Berkeley,...vv... Và cũng còn có một số không nhỏ được theo học tại các trường tư ở những chốn xa xôi.

Trong những ngày lễ các sinh viên xa nhà thường cảm thấy rất cô đơn, nhớ nhà, nhớ nước. Có được những bữa cơm với những món ăn Việt Nam tại các gia đình ở Mỹ lâu năm, họ cảm thấy ấm lòng.

Trong số các sinh viên, phải kể cả các công chức, quân nhân, giáo sĩ, ma-sơ sang tu nghiệp. Cũng lại có một số các linh mục, ma sơ được các Họ Đạo bảo trợ cho ở lại tu học vô hạn định. Các vị này ở Mỹ từ lâu năm, vì thế giới sinh viên du học đều biết đến và thân cận. Các cha tuyên úy của Hội Sinh viên Công giáo Việt Nam tại Mỹ như các Linh-mục Chu Công (về sau Cha đi theo ngành Trappist, tức ngành Khổ hạnh phải tịnh khẩu suốt ngày), Cha Joseph Đức Minh (có một hồi lâu ở Mineola, New York, và bây giờ ở Camarillo, CA), Cha Thanh Hùng (lúc làm tuyên úy) ở Chicago...vv...



* Hình chụp ở Buffalo, New York. Đứng giữa là Linh mục Mai Thanh Lương, chụp chung với một số sinh viên vừa dân sự vừa quân sự. Người đứng sau linh mục bên trái là Nguyễn Ngọc Yến nay ở gần Los Angeles, bên phải là Phạm Tiến Hưng, đã từng làm chủ tịch Hội SVCGVNTM, nay ở Houston, TX. Linh mục Mai Thanh Lương sau 75 về Louisiana, và hiện làm Giám mục tại địa phận Orange County.



* Hình tại Đại Hội SVCGVNTM năm 74 tại Worcester, Mass với các linh mục, các sơ, và các sinh viên.

Các Trường Việt Ngữ Quân Đội

Do chiến tranh Việt Nam kéo dài nhiều năm, chính phủ Hoa Kỳ gửi nhiều quân đội sang tham chiến tại miền Nam. Nhu cầu quân nhân Mỹ học tiếng Việt trở nên cấp thiết. Có hẳn các trường sinh ngữ quân đội mọc lên như nấm. Các nơi dạy tiếng Việt do chính phủ lập nên, mà điển hình nhất là các trường DLI (Defense Language Institute) ở Washington D.C., trường DLI ở Monterey, California, trường NSA (National Security Agency) ở Ft. Meade, Maryland, để huấn luyện người theo dõi “signint” (“signal intelligence,” các trao đổi bắt được bằng radio, điện thoại, ...vv...), trường sinh ngữ của Bộ Ngoại Giao FSI (Foreign Service Institute) ở Arlington, Virginia, hay trường sinh ngữ liên ngành của chính phủ...vv... Trường DLI-West ở Monterey có lẽ là trường lâu đời nhất của quân đội và mới chỉ giải tán cách đây chừng vài năm (các trường khác đã giải tán ngay sau khi chiến tranh VN chấm dứt), lúc nào cũng trên dưới 15-20 giáo sư Việt Nam, cộng thêm gia đình họ thì có lẽ đến cả trăm người. Ông trưởng ban (chairman) Việt Ngữ đầu tiên của trường DLI, Monterey là ông Nguyễn Đức Thọ, rồi lần lượt đến các ông Hiệp, ông Phạm Đăng Tải, ông Dương ...

Các trường sinh ngữ chính phủ khác thì thường không nhiều giáo sư. Có những lớp dạy tiếng Việt trong các căn cứ quân sự như El Paso (ở Texas) hay Fort Bragg, North Carolina. Các giáo sư dạy trong các trường này thường là những người Việt kỳ cựu ở Mỹ. Họ là công dân Mỹ, hay ít nhất có thể xanh (thẻ thường trú) để đợi vào dân Mỹ. Họ được tuyển như là nhân viên chính phủ. Trong những năm cuối của thập niên 60, quân đội Mỹ sang tham chiến ồ ạt tại Việt Nam, nhu cầu huấn luyện tiếng Việt cho quân đội càng lớn, chính phủ phải cho các tư nhân đấu thầu công việc dạy tiếng Việt. Một số các trường chính được thầu lúc bấy giờ là Lacaze, Sanz, Crowell-Collier hay WIT (World Instruction and Translation)... Họ lập nên các trường dạy tiếng Việt cỡ lớn và tuyển một số giáo sư đông đảo. Có trường tổ



Một số nữ giáo sư trường DLI ở Monterey California. Hình chụp trước cửa lớp học. Từ trái qua phải: Hàng trước: Tuyết, Trương Anh Thụy, Tuấn Jenson. Hàng sau: Mme Lam Sơn, nhà văn Linh Bảo, Cẩm Thành. Hình chụp khoảng cuối thập niên 60.

chức các lớp dạy ở ngay trong trại lính Fort Bragg, North Carolina; El Paso, TX. Ở Monterey, California thì trường thầy ở ngay dưới chân đồi, trường của chính phủ ở trên đồi, cả hai trường này cũng đông ngang nhau. Có lúc mỗi trường phải tuyển đến vài chục giảng viên dạy tiếng Việt—chưa kể gia đình, con cái họ cũng ở đấy, khiến cho số người Việt tập trung ở các vùng này khá lớn.

Trong khi các trường sinh ngữ thuộc nhà nước có số giáo sư chọn lọc, có trình độ, thì các nhà thầy mượn người hàng loạt, dễ dãi, gấp gáp... từ ở khắp nơi: Việt Nam, Pháp, Ý, Thụy Sĩ... và phần đông là người ở tại Mỹ. Trong các trường thầy này chỉ một số giáo sư có trình độ, đáng mặt giáo sư, còn lại không ít người thuộc loại “giáo sư nhầy dừ!” Đặc biệt có một số sinh viên học xong ở lại làm tạm ít tháng trước khi về nước, phải dạy học bên cạnh một số các bà vợ của các GI, không cả rành đọc hay viết tiếng Việt, tiếng Anh. Còn nói thì không chắc đã lên đến lớp nhất bậc tiểu học ở Việt Nam! Có người nói giọng Bắc còn ngọng, “l” thành “n” và ngược lại... gây nên những chuyện cười ra nước mắt...! Cũng vì thế, ngành dạy tiếng Việt ở Mỹ lúc bấy giờ bị coi thường, ngộ nhận, vợ đũa cả nắm, cho là thứ nghề mà... ai làm cũng được. Đôi khi còn bị tai tiếng nữa!

Các Gia đình chồng Mỹ Vợ Việt hay ngược lại

Số người này khá đông. Họ phần lớn là vợ các cố vấn Mỹ hay lính Mỹ (GI) trở về từ Việt Nam. Họ ở tập trung ở những nơi có các căn cứ quân sự, hay các thành phố có các trụ sở ngoại giao, nơi các ông chồng làm việc. Một số ít đàn ông Việt Nam sang du học, hay trong một vài trường hợp khác, lấy vợ/ chồng Mỹ, vợ/ chồng có quốc tịch Mỹ rồi ở lại thành dân Mỹ.

Vài trường hợp hãn hữu

Một vài trường hợp hãn hữu nhưng không kém phần quan trọng vì tính cách lịch sử không được viết thành văn của nó. Chẳng hạn, theo lời kể của anh Nguyễn Ngọc Bích, người đã sang Mỹ du học từ năm 1956 tại đại học Princeton, thì chính những người sau này lại là những người Việt đầu tiên mà anh được gặp khi đặt chân lên đất Mỹ:

“Trước hết có một cụ mà tôi không nhớ cả tên họ, chỉ còn nhớ là cụ tên Vinh ở Flushing, Queens, New York, ngoại ô thành phố. Khi tôi gặp cụ khoảng 1956-57, cụ cũng đã chừng 70 nhưng trí nhớ còn rất tốt. Cụ kể cho tôi nghe những chặng đường đi làm thủy thủ tàu viễn dương ngày cụ còn trẻ, cụ còn cho biết thuở đó cụ cũng đã gặp “anh Ba,” người mà về sau thành Nguyễn Ái Quốc rồi Hồ Chí Minh. Có lúc cụ đã đọc cả một bài thơ dài về đời thủy thủ, tàu đi đến những đâu, như đến Marseille thì ai làm gì, cập bến Toulon thì chuyện gì xảy ra ...vv..... Không còn ai nhớ rõ cụ Vinh sang Mỹ đích xác năm nào nhưng dựa vào một vài mốc thời gian thì có lẽ cụ cũng đã có mặt ở Mỹ từ những năm 1920 hay muộn lắm là thập niên 30 của thế kỷ trước.”

Cũng vẫn theo anh Bích kể về một cụ khác: “...tuy không già bằng cụ Vinh nhưng có lẽ cũng đã sang Mỹ từ thập niên 1930, là ông Đinh Viết Hoạt. Sở dĩ ta biết cụ sang sớm là vì từ ngữ cụ dùng, cũng như từ ngữ của cụ Vinh, còn rơi rớt tiếng Pháp: Thế chiến I (1914-18) thì các cụ gọi là “Grăng Ghe” (“Grande Guerre” trong tiếng Pháp) còn Thế chiến II (1939-45) thì các cụ lại kêu là “Uỏ úa” (“World War” tức đã bị ảnh hưởng tiếng Anh, tiếng Mỹ). Ông Hoạt vào đầu thập niên 1960 thì ở khoảng đường 50 (50th Street) về phía gần

“Times Square” (“Times Square” theo lối gọi của các cụ) và đến giữa thập niên đó thì ông có về Sài-gòn chơi, dù ông là người Bắc. Sài-gòn, do đó, đối với ông cũng xa lạ gần như một nước ngoài và trong suốt cuộc hành trình về thăm viếng Việt Nam, cụ chỉ nhớ có mỗi một điều mà theo cụ là thật lạ lùng: con gái Việt Nam không đi tất, một chuyện theo cụ gần thô lỗ như người ta đi đường mà không mặc quần!

“Có ông Đỗ Sơn ở Queens, năm 1980 cũng phải trên 80, vợ Hòa-lan, cũng là người đi nhảy tàu sang Mỹ từ những năm cuối thập niên 1930. Ông có lẽ cùng đợt với các ông Lý Đức Lâm, Nguyễn Đức Thanh và Lâm Quang. Mỗi người trong mấy vị này đều có một tiểu sử thật riêng tư và đặc biệt.”

Ông Lý Đức Lâm, anh Bích kể tiếp: “Tôi không còn nhớ rõ sang Mỹ năm nào, chỉ biết ông là người Nghệ Tĩnh và khi, trong Thế chiến II, người Mỹ cần có người dạy tiếng Việt cho một số quân nhân của họ thì họ chỉ tìm ra được có ông Lý Đức Lâm. Một đảng họ nhờ ông Lâm dạy cho họ tiếng Việt, một đảng họ mượn G.S. Murray B. Emeneau, một chuyên gia hàng đầu về tiếng Phạn (Sanskrit của Ấn-độ) lúc bấy giờ đang dạy ở Columbia, hỏi ông Lâm về ngữ pháp Việt Nam. Dựa vào sự cộng tác này, sau đó ông Emeneau đã viết nên một trong những quyển ngữ pháp hiện đại nhất về tiếng Việt mà Đại học Berkeley, khoảng năm 1951, đã in ra dưới tên *An Annamese Grammar*. Cuốn ngữ pháp này, cho đến ngày nay, vẫn còn giá trị.

“Đến năm 1942, khi Đài VOA được dựng ra để dùng làm một vũ khí tuyên truyền chống lại Đức Quốc Xã và Nhật Bản thì tự nhiên có nhu cầu cần phát thanh bằng tiếng Việt. Thế là các ông Lý Đức Lâm, Nguyễn Đức Thanh và Lâm Quang là những người đầu tiên được

thuê vào làm việc trong đài. Chỉ hơi tiếc là ông Nguyễn Đức Thanh đã mất cách đây trên 20 năm và ông Lâm gần đây cũng đã ra đi ở Maryland ở tuổi trên 90 nên ta mất đi hai chứng nhân hàng đầu về những bước chập chững này của ngành phát thanh quốc tế bằng tiếng Việt, phát thanh từ Mỹ về Việt Nam.”

“Chuyện ông Nguyễn Đức Thanh cũng khá ly kỳ. Ông còn đang là học sinh ở Hải Phòng thì Nhật đòi Pháp nhập Đông Dương (1940). Pháp vì mới thua Đức nên đành chịu, bắt đầu giai đoạn gọi là ‘một cổ hai tròng’ trên người Việt. Tuy quân Nhật là một đội quân rất kỷ luật song mấy anh này thường cũng rất nghênh ngang, đối xử với người Việt một cách rất khinh thị. Có lần bắt gặp một anh lính Nhật hỗn láo, chọc ghẹo con gái Việt Nam, anh thanh niên Nguyễn Đức Thanh bèn nổi máu anh hùng, tát cho tên Nhật một cái nhưng rồi sợ bị trả thù, đã phải chạy ra bến tàu trốn luôn trên một tàu buôn đang rời bến. Cuộc đời phiêu lưu mạo hiểm của ông bắt đầu từ đó, rồi dần dần anh theo tàu lưu lạc sang đến Nữ Ước, nơi đây anh đã nhảy tàu rồi ở lại luôn cho đến khi chết. Khi còn trẻ, ông Nguyễn Đức Thanh cà lăm, đôi khi rất tệ, vậy mà khi thiếu người, VOA vẫn phải mượn ông vì ông có chữ và dịch thuật tốt, để phần đọc cho người khác. Khoảng 1947-48-49 gì đó, ông gặp cô sinh viên Rosa Minh được gửi sang du học, hai người thương nhau rồi lấy nhau, sau đó với sự kiên nhẫn, bà Rosa Minh đã chữa cho ông hết được cái tật cà lăm, một kỳ công không nhỏ. Về sau, hai ông bà có ba mặt con gái với nhau.

“Ông Lâm Quang người Nam, ăn nói hoạt bát và tiếng Anh rất lưu loát. Ông lại còn có tài pha trò rất ‘tối’ nên trong nhiều năm, ở chỗ nào đông đúc hay hội họp của người Việt, như các dịp Tết hay ngày lễ Quốc tế (International

Day), ông thường làm M.C. Vì ông đùa bằng tiếng Anh rất lão luyện nên những buổi trình bày văn nghệ của Việt Nam thường rất được tán thưởng, nhất là khi lại còn kèm theo chả giò nóng dòn của các phụ nữ Việt Nam, vừa hiếm quý thời bấy giờ vừa xinh như mộng.”

“Ngoài ra còn những mẩu chuyện của những người Việt có lẽ là đầu tiên sang Mỹ để theo những người đi tìm vàng. Một nhân vật có thật trong lịch sử được học giả Nguyễn Hiến Lê kể lại chuyện đời khá tử mỉ trong cuốn *Đường Thiên Lý*. Rồi đến ông Bùi Viện, sứ giả đầu tiên của Việt Nam do vua Tự Đức phái sang Mỹ để gặp Tổng thống Ulysses S. Grant xin giúp đỡ chống Pháp. Ông có sang Mỹ tới hai lần (1873 và 1875), lần đầu có diện kiến được ông Grant nhưng lần sau sang thì ông Grant đã hết làm Tổng thống nên ông buộc lòng về tay không. Rồi đến người Bắc kỳ (“le Tonkinois”) được nói đến trong tiểu thuyết nổi tiếng của Pháp, *Papillon*, một người có thật bị đẩy sang đất Guyanne thuộc Pháp ở Trung-Mỹ mà rồi vẫn táo bạo vượt được ngục, không biết về đâu, rất có thể là cũng đã theo một trong những con tàu thời đó sang Mỹ—trừ phi là ông chết trên biển hay ở đâu đó. Hồi ông Bill Clinton sang thăm viếng Việt Nam vào tháng 11 năm 2000, Tổng thống Mỹ đầu tiên đặt chân đến nước mình, ông còn nhắc đến Tổng thống Thomas Jefferson, người có trang trại ở Charlottesville, tiểu bang tô cư ngụ (Virginia), ngay từ cuối thế kỷ thứ XVIII đã tìm cách du nhập vào Mỹ một giống lúa rất tốt ở miền Nam nước ta (Cochinchina). Dù chuyện này không thành nhưng vấn đề đặt ra vẫn là: ông lấy giống đó ở đâu ra? Từ một người Việt gặp ở Pháp khi ông còn làm đại sứ Mỹ ở Paris hay từ một người Việt (hay ai đó) mà ông có thể gặp ở Mỹ chẳng?”

Những chuyện trên cũng do anh Bích kể lại nhưng đó là những chuyện nhạt nhẽo đã có trong lịch sử, mà chính anh cũng chỉ được đọc, không được chứng kiến.

Các sinh hoạt của những kiều bào trước 75 tại Mỹ

a) Hội Sinh Viên Công Giáo:

Hồi đó chỉ có một hội toàn quốc hoạt động đều đặn và bền bỉ, đó là Hội Sinh Viên Công Giáo Việt Nam Tại Mỹ, trụ sở ở trên đường Blackstone Avenue, Chicago. Nếu nhóm sinh viên Việt Nam đầu tiên sang Mỹ du học tập trung ở miền Đông, nhất là vùng Đông Bắc (có thể tạm gọi được là “hành lang Boston-New York”), thì chỉ ít năm sau, sang đến thập niên 50 là Hội SVCG đã quy tụ được một số anh chị em ở vùng Trung-Tây (Midwest), đặc biệt là vùng Chicago và phụ cận. Tiếng là Hội sinh viên Công Giáo nhưng người không công giáo chiếm đa số. Có lẽ cũng để thu hút những người loại sau này, nên Hội có một nội quy rất rộng rãi: chỉ cần anh Chủ tịch Hội là người Công giáo còn từ phó CT trở xuống là có thể là người thuộc bất cứ tôn giáo nào. Song hiển nhiên, vì là Hội SVCG nên cũng phải có một cha tuyên úy lúc nào cũng làm việc bên cạnh Hội. Vả, có cái áo và danh nghĩa linh mục nên các cha cũng dễ đi tìm sự yểm trợ từ các cơ quan công quyền hay giáo quyền của phía Mỹ (tỷ như mượn chỗ họp mặt Giáng Sinh hay họp trại hè, chẳng hạn). Các cha rất thân thiết với các anh chị em trong Hội, mà nhiều cha như cha Đức Minh rất cởi mở và vui tính... Hội có ra một tờ báo, ra thất thường, lấy tên là *Chuông Việt*. Lúc khỏe thì ra hàng tháng nhưng phần lớn chỉ ra được 3-4 số một năm thôi. Tuy báo có hình thức tiểu công nghệ (trong nhiều năm quay roneo) nhưng vì cả nước chỉ có một tờ báo này là có tin các bạn bè nên

rất được trông chờ, ít nhất cũng về phần tin tức, ông đi qua bà đi lại (từ Việt Nam hay từ các tiểu bang khác) thường được nhắc tới...



Bìa tờ báo Chuông Việt số 173-174, năm 72-73

Rồi cũng tùy người chủ bút, tờ báo có thể ngã về nghiên cứu nhiều hơn hay sáng tác (văn, thơ, tiểu luận...) nhiều hơn. Do vậy mà những cây bút chủ lực thì ngoài mấy anh chị trong ban biên tập, những người có máu văn nghệ có mặt ở Mỹ lúc bấy giờ cũng có chỗ để gửi các bài thơ, các truyện ngắn, tùy bút... đăng lai rai, nhờ vậy mà các sinh viên và kiều bào cũng có được những tin tức và trao đổi mặt thiết với nhau... Bên cạnh đó, hàng năm Hội tổ chức hai lần họp mặt dưới hình thức trại Hè và Họp Mặt Giáng Sinh. Họp mặt Giáng sinh thường được tổ chức tại Barat College ở Chicago, còn trại hè thì tổ chức mỗi năm ở một tiểu bang khác. Mỗi kỳ trại hè có lẽ cũng đến cả mấy trăm sinh viên về tham dự. Họ ăn uống, ca hát, đóng kịch, hội thảo (có năm cũng sôi nổi lắm, nhất là trong mấy năm phong trào phản chiến lên cao độ)... Hội đó cứ gặp người Việt đã là hiếm quý, các tài năng lại còn hiếm quý hơn cho nên hễ ai có chút tài gì là dễ dàng

nổi tiếng. Không ít cặp trở nên vợ chồng, sau các buổi trại này. Hội cũng có những hoạt động xã hội như cứu lụt ở quê nhà, hay gây quỹ yểm trợ Đại Học Huế sau cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân của CS Bắc Việt.

b) Ngoài Hội SVCG Việt Nam tại Mỹ là một hội hoạt động có tính cách toàn quốc, tại các địa phương thỉnh thoảng cũng có Hội Việt Kiều, Hội Sinh viên Việt Nam (nhất là ở các tỉnh lẻ đại học), hay các Hội Việt Nam tìm cách “đem chuông đi đánh xứ người,” nghĩa là giới thiệu văn hóa, lịch sử, văn thơ nhạc Việt Nam đối với người Mỹ. Cũng còn có những nhóm nhỏ tìm cách làm công tác xã hội như nhóm sinh viên đại học Buffalo, NY, đã từng đi bán thiệp Tết gây quỹ cho Hội “Aid to the Children of Vietnam” ...vv...Nhưng có lẽ đáng kể nhất là một nhóm kiều bào sống ở vùng Hoa Thịnh Đốn. Nhóm này (lúc đó chưa có nhu cầu lập thành Hội,) tạm gọi là “Nhóm làm việc thiện nguyện HTĐ” gần như không bỏ qua một dịp cứu trợ nào khi có lũ lụt ở miền Trung hay những thiên tai khác ở quê nhà.



Đại Hội Sinh Viên VN
Dung - Dung - Giang - Hải

* Một màn văn nghệ có tính cách dân tộc tại đại hội SVCGVNTM ở Worcester, Mass.

Nhóm này gồm những thành viên như các chị Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Thị Phương Dung (đã khuất), Dương Nguyệt Điện, Hoàng Quỳnh

Hoa, Nguyễn Thị Ngân, anh Nguyễn Ngọc Bích và kẻ viết bài này... Thường chúng tôi tổ chức Hội Chợ trong khuôn viên tòa Đại Sứ Việt Nam, quây tặng các món đồ tiểu công nghệ Việt Nam như đồ gốm, đồ đồng, khăn bàn, áo thêu, nón, guốc... và các món ăn truyền thống Việt Nam như chả giò, thịt nướng... bày ra bán lấy tiền gửi về.

Vào năm 73 bắt đầu có phong trào “sinh viên và Việt kiều về thăm nhà” do Bộ Dân Vận khuyến khích và hỗ trợ, với mục đích để sinh viên có cơ hội nhìn lại quê hương, trong hoàn cảnh phát triển cũng như chiến tranh tàn phá... hầu muốn trở về đem tài năng, sở học... tiếp tay sinh viên quốc nội, xây dựng đất nước... vì thế đã dành mọi dễ dãi để các sinh viên, dù là đã tìm cách ở lại Mỹ một cách bất hợp pháp bằng cách này hay cách khác, cũng được về mà không bị lôi thôi giấy tờ, hay bị giữ ở lại. Chuyến đầu tiên do Hội Sinh Viên Công Giáo tổ chức vào năm 1973. Một năm sau, người viết bài này cùng với các bạn Trần Văn Dương ở Chicago, Đỗ Hùng, Chử Ngọc Hoàng Anh, và Lê Trâm vùng Hoa Thịnh Đốn thành lập Vietnam Travel Fund, với sự hỗ trợ của Hội Sinh Viên Việt Kiều Quốc Gia tại Bắc Mỹ, tổ chức hai chuyến bay, một từ Washington DC, một từ Los Angeles về thăm nhà. Cùng hè năm đó Hội Việt Kiều Montréal cũng tổ chức một chuyến bay của sinh viên và Việt Kiều, đi từ Gia Nã Đại về Việt Nam trong cùng một mục đích.

Phái đoàn đã được chính quyền đón tiếp long trọng và bố trí cho đi thăm cố đô Huế, Nha Trang, Đại Lộ Kinh Hoàng ở Quảng Trị, bờ sông Bến Hải... Có điều đáng ghi nhớ là phái đoàn đã thăm được các quân trường, trong đó có Lữ Đoàn III Nhảy Dù, Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến. Phái đoàn đã tặng một món tiền để

góp phần xây cất lại trường tiểu học Quảng Trị. Tặng Học bổng cho học sinh Quốc Gia Nghĩa Tử, đồng thời nhờ Báo Chính Luận trao tặng 20 học bổng cho học sinh nghèo xuất sắc.



*Phái đoàn “Sinh Viên về Thăm Nhà Hè 74.”
Chuyến bay từ Hoa Thịnh Đốn.*



Trương Anh Thụy cùng Phái Đoàn “Sinh Viên Về Thăm Nhà Hè 74.” Chuyến bay từ Los Angeles, được Sinh Viên Quốc Nội đón tiếp. - Hình chụp tại sân bay Tân Sơn Nhất.

Trong cùng chuyến đi đó, người viết bài này cũng thay mặt “Nhóm làm việc thiện nguyện Hoa Thịnh Đốn” cùng với bà Nguyễn Ngọc Bích--đại diện Nhóm tại VN--đi thăm và tặng Cô Nhi Viện Quách Thị Trang một số dụng cụ, máy móc huấn nghệ cho các em cô

nhì. Ngoài ra, Bệnh Viện Nhi Đồng cũng được Nhóm HTĐ tặng một món tiền.

(Xin xem tiếp phần II)



Tại bờ sông Bến Hải. Bên kia sông thấy có lá cờ đỏ sao vàng. Từ trái qua phải: Trần Đình Hi, Trương Anh Thụy, Trần Đình Hoa.

DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH

Tùng đêm dài tiếng dòng sông vô tận
Bóng dừa nghiêng theo cơn gió biển xanh
Tay đan tay bên hàng liễu ướt cành
Nghe chim hót mong manh trong sương sớm

Nắng chưa lên, màu hoa đã thấm đượm
Mắt biển buồn vài con sóng nhấp nhô
Mây bay cao sương mù che cuối phố
Hải đăng mờ đang đứng mãi bơ vơ..

Bản Tango chiều xưa, ta còn nhớ
Hát tặng em đêm uống rượu tuyệt vời
Violetta ngày ấy đã xa khơi
Còn một nửa hồn người .. còn ở lại..

Cơn mưa hạ vỡ vàng ta tiếc mãi
Buổi chiều loang màu tím sớm phôi phai
Đấu trong lòng hình ảnh cố người ngoài
Tội nghiệp em, âm thầm sang thuyền khác!

Đã lâu rồi... đóa hồng xưa lưu lạc
Cõi người ta quanh quẽ bên u minh
Ta quen em se kết mối ân tình
Ai đã lội ngược dòng sông định mệnh ?..

Reno,
đêm 31- 12- 07

**BÙI
THANH
TIÊN**

(Virginia)

